VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO VĂN KHÊ

PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO VĂN KHÊ

PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngành: Luật kinh tế
Mã số: 8.38.01.07

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

HÀ NỘI, 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN 6

1.2. Đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 8

1.3. Ý nghĩa của mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 14

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI 20

2.1. Pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên... 20

2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội 44

Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN 63

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 63

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 65

3.3. Các giải pháp về tổ chức triển khai luật doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội 74

KẾT LUẬN..... 78

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 80

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Uỷ ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày 21/12/1990, Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua hai đạo luật quan trọng là Luật Công ty và Luật doanh nghiệp (DN) tư nhân, tạo cơ sở pháp lý cho các loại hình DN ngoài quốc doanh như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), DN tư nhân phát triển, góp phần to lớn trong việc giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy nội lực, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy nhanh thời kỳ quá độ chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Tuy vậy, theo thời gian nhiều nội dung của hai đạo luật đó đã tỏ ra bất cập, không còn đáp ứng nhu cầu điều chỉnh hoạt động của các loại hình DN giai đoạn mới. Để đảm bảo phát huy nội lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đẩy mạnh công cuộc đổi mới kinh tế; đảm bảo quyền tự do, bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh của các DN thuộc mọi thành phần kinh tế; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật. Luật DN (1999) thay thế Luật Công ty (1990), Luật DN (2005) thay thế Luật DN (1999) và hiện nay, Luật DN năm 2014 đã thay thế Luật DN năm 2005.

Công ty TNHH mặc dù ra đời muộn nhưng là loại hình DN được các nhà đầu tư ưa chuộng bởi sự kết hợp hoàn hảo những ưu điểm của công ty hợp danh và công ty cổ phần, phù hợp với các nhà đầu tư có quy mô nhỏ và vừa. Ở Việt Nam, công ty TNHH một thành viên lần đầu tiên được thừa nhận trong Luật DN 1999, trong khi đó, đối với pháp luật các nước trên thế giới, mô hình công ty này đã được thừa nhận cách đây nhiều năm và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn một loại hình kinh doanh phù hợp, phân tán được rủi ro, chuyển dịch vốn, hợp vốn dễ dàng với các chủ thể kinh doanh khác mà không làm mất đi bản chất pháp lý của DN.

Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện để tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các công ty TNHH một thành viên hoạt động, Luật DN

(2014) được ban hành với những quy định mới hơn so với Luật DN 2014, tuy nhiên trong quá trình áp dụng đã bộc lộ nhiều bất cập như: quy định chưa rõ ràng dẫn đến việc áp dụng luật trên thực tế còn nhiều vướng mắc, có những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa được luật điều chỉnh gây khó khăn cho các chủ thể khi điều hành quản lý hoạt động của công ty TNHH một thành viên.

DN nói chung và công ty TNHH một thành viên nói riêng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Việc học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới và trong khu vực có giá trị to lớn đối với Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về loại hình công ty TNHH một thành viên, tạo điều kiện thúc đẩy nó phát triển hiệu quả bên cạnh các loại hình công ty truyền thống khác, đồng thời tạo ra sự hài hòa giữa pháp luật quốc gia với pháp luật các nước.

Với những lý do trên, nghiên cứu về ***"Pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ thực tiễn thành phố Hà Nội"*** là yêu cầu cấp thiết, đáp ứng được đòi hỏi đối với Luận văn thạc sĩ khoa học luật.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Liên quan đến công ty TNHH một thành viên, hiện có một số công trình nghiên cứu, chẳng hạn như: Luận văn thạc sĩ "Pháp luật về chuyển đổi DN Nhà nước (DNNN) thành công ty TNHH một thành viên" của tác giả Nguyễn Thị Huế, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012 [17]; Luận văn "Chuyển đổi DNNN, DN của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội thành công ty TNHH một thành viên – những vấn đề lý luận và thực tiễn" của tác giả Phạm Thị Thúy Hồng, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2002 [18]; Luận văn thạc sĩ "Công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại hình DN này" của tác giả Lê Văn Khải, năm 1997 [20], bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội; Luận văn thạc sĩ "Công ty TNHH một thành viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Cộng hòa Pháp" của tác giả Đinh Thị An, năm 2004, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội [1];

- Ngoài ra còn phải kể đến các bài viết đăng trên tạp chí Luật học như "Bàn về tính thống nhất của pháp luật về DN ở Việt Nam hiện nay" của tiến sỹ Bùi Ngọc Cường [9], "Quan niệm về Luật DN – Một số vấn đề phương pháp luận" của thạc sĩ Đồng Ngọc Ba [5]...

Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách chuyên sâu, toàn diện và hệ thống về loại hình DN mới này ở Việt Nam trên cơ sở so sánh và học tập kinh nghiệm của nước ngoài, từ đó đưa ra những khuyến nghị hoàn thiện pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện tốt cho hoạt động thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam. Đặc biệt là nghiên cứu về thực trạng quản lý và hoạt động của công ty TNHH một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm các mục đích sau:

Mục đích nghiên cứu của đề tài này là tìm hiểu những vấn đề lý luận về công ty TNHH một thành viên theo Luật DN (2014) và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật đó trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó kiến nghị nhằm các quy định pháp luật về công ty TNHH một thành viên.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích trên, luận văn giải quyết được một số nhiệm vụ sau:

- Giải quyết một số vấn đề lý luận về công ty TNHH một thành viên;

- Nghiên cứu hệ thống pháp luật hiện hành về DN, đặc biệt là nghiên cứu nội dung các quy định của Luật DN (2014) về công ty TNHH một thành viên;

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về công ty TNHH một thành viên tại thành phố Hà Nội, đặc biệt là thực trạng tổ chức và quản trị công loại hình công ty này.

- Đưa ra kiến nghị cụ thể nhằm thực thi pháp luật về công ty TNHH một thành viên.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về công ty TNHH một thành viên, trong đó trọng tâm là nghiên cứu các quy định của Luật DN (2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về thực tiễn, đề tài giới hạn nghiên cứu tại các công ty TNHH một thành viên do thành phố Hà Nội quản lý và hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5 . Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn nghiên cứu pháp luật về công ty TNHH một thành viên của một số nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiêm cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng: Xem xét giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam hiện nay một cách toàn diện trong mối tương quan với một số nước phát triển thế giới và thực tiễn tại Việt Nam.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân chia các vấn đề lớn, phức tạp thành những vấn đề nhỏ chi tiết, cụ thể hơn. Sau khi phân tích thì tổng hợp lại và khái quát để đưa tới sự nhận thức tổng thể về pháp luật công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện.

- Phương pháp quy nạp và phương pháp diễn dịch: Đề tài đi từ những vấn đề chung đến những vấn đề riêng, từ những hiện tượng riêng lẻ đến những cái chung.

- Phương pháp thống kê: Đề tài tập hợp những số liệu về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam, trên thế giới và thực tiễn làm cơ sở khoa học.

- Phương pháp so sánh: Đề tài đặt thực tiễn về vấn đề cần nghiên cứu trong mối liên hệ và so sánh với thực tiễn của một số nước phát triển trên thế giới, qua đó tìm ra những ưu nhược điểm của vấn đề và đề xuất phương hướng hoàn thiện để giải quyết nội dung vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Luận văn đã hệ thống hóa, kế thừa và phát triển các luận cứ khoa học nhằm làm sáng rõ cơ sở lý luận của công ty TNHH một thành viên.

Thông qua việc đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về công ty TNHH trong thực tiễn, luận văn đã đánh giá những mặt tích cực, ưu điểm, đồng thời cũng chỉ rõ những tồn tại, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành về công ty TNHH một thành viên.

Luận văn cũng đã đề xuất phương hướng, một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên nhằm giải quyết những bất cập của pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài lời nói đầu, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chủ yếu của luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chương 2: Thực trạng pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hà Nội

Chương 3: Phương hướng và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1.1. Khái niệm về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Công ty TNHH một thành viên còn được gọi với tên khác là "công ty TNHH một chủ" (Tiếng Anh là Sole member limited liability company). Công ty TNHH một chủ ra đời là hệ quả pháp lý đặc biệt của quá trình phát triển của công ty TNHH khi toàn bộ tài sản của một công ty TNHH nhiều thành viên (vì những lý do khác nhau) đã chuyển vào tay một thành viên duy nhất. Ví dụ, khi một thành viên của công ty TNHH có hai thành viên chết, hoặc một thành viên ra khỏi công ty. Trong trường hợp này, nếu công ty đang hoạt động có hiệu quả, pháp luật nhiều nước cho phép công ty này tiếp tục tồn tại, không phải chuyển đổi hình thức, cũng như không bị phụ thuộc phải giải thể công ty. Như vậy, công ty TNHH từ chỗ có nhiều chủ sở hữu đã trở thành công ty chỉ có một chủ, từ chỗ có nhiều thành viên đã trở thành công ty chỉ có một thành viên. Sau này, trong quá trình phát triển, công ty TNHH một chủ đã được thành lập mới và không ngừng tăng lên về số lượng.

1.1.1. Quan niệm về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trên thế giới

Quan niệm về công ty TNHH một thành viên ở các nước trên thế giới có sự khác biệt. Hệ thống pháp luật của Đức, Anh, Hoa Kỳ đều ghi nhận và có những quy định cụ thể về loại hình công ty TNHH một chủ. Luật Công ty TNHH của Cộng hòa Liên bang Đức đã định nghĩa: "*Công ty TNHH do một hay nhiều người sáng lập trên cơ sở những quy định của Luật và theo đó có mục đích hoạt động được pháp luật cho phép.*" [25] Ngoài ra, Bộ luật Dân sự Cộng hòa Pháp quy định: "*Công ty có thể được thành lập trong những trường hợp do Luật định bằng hành vi ý chí của một người.*" [23] Trong khi đó pháp luật Mỹ không đưa ra quan niệm cụ thể về công ty TNHH một thành viên mà chỉ quy định trong Luật Thương mại Mỹ: luật pháp cho phép thành lập công ty TNHH một chủ. [24]

Như vậy, tính đặc thù của công ty TNHH một thành viên ở các nước trên thế giới so với các loại hình công ty nói chung đó là không có sự liên kết giữa hai hay nhiều cá nhân, tổ chức để thành lập công ty, mà một cá nhân có thể độc lập thành lập công ty. Loại hình công ty này được pháp luật các nước thừa nhận xuất phát từ những lý do cơ bản sau:

Thứ nhất, đó là một sự đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn kinh doanh. Sự xuất hiện của những "hợp đồng công ty giả cách" trong khi vốn của toàn bộ công ty thuộc về một người; hoặc trường hợp khác trong quá trình hoạt động vì nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho công ty TNHH chỉ còn một người hoặc trên thực tế, công ty TNHH một chủ đã tồn tại từ trước đó rất lâu một cách trá hình dưới nhiều hình thức... Do đó, cần phải thừa nhận chính thức loại hình công ty này về mặt pháp lý.

Thứ hai, trong hệ thống kinh tế thị trường, chế độ TNHH tạo điều kiện cho các nhà kinh doanh hạn chế rủi ro bằng cách chia sẻ trách nhiệm cho nhiều người. Chính chế độ TNHH này giúp các nhà kinh doanh mạnh dạn đầu tư vào bất kỳ lĩnh vực kinh tế nào có lợi cho xã hội. Trường hợp phải chịu trách nhiệm vô hạn, họ không dám đầu tư vào những khu vực có rủi ro lớn và như vậy sẽ gây tổn hại đến lợi ích chung của toàn xã hội. Đây là lý do cơ bản nhất cho sự ra đời và phát triển của công ty TNHH một chủ.

Thứ ba, việc thừa nhận loại hình công ty TNHH một chủ tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, pháp nhân lựa chọn hình thức kinh doanh phù hợp trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển. Loại hình công ty TNHH "mở" uyển chuyển này cho phép tăng cường tích tụ và tập trung tư bản, khả năng chuyển dịch vốn đầu tư mà không làm mất đi bản chất pháp lý của DN.

1.1.2. Quan niệm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên một thành viên ở Việt Nam

Pháp luật Việt Nam trước đây cũng không ghi nhận công ty TNHH một thành viên. [29] Bởi vì, ở giai đoạn này công ty vẫn được hiểu theo nghĩa truyền thống, gồm ba đặc trưng: sự liên kết của nhiều người thể hiện thông qua việc góp vốn bằng

tài sản hoặc bằng giá trị tinh thần; sự liên kết phải thông qua một sự kiện pháp lý đó là hợp đồng thành lập công ty; mục đích của sự liên kết đó là nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Như vậy, trong ba điều kiện thì công ty TNHH một thành viên không thỏa mãn hai điều kiện, bởi vì, nếu chỉ có một cá nhân hay một tổ chức thì không thể thực hiện được hành vi "liên kết", không thể có sự góp vốn vì vậy không thể chấp nhận một hợp đồng đơn phương chỉ có một bên tham gia.

Công ty TNHH một thành viên là DN do một tổ chức hoặc một chủ cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ. Thực tiễn kinh doanh ở nước ta các DN Nhà Nước, các DN của tổ chức chính trị xã hội về bản chất cũng được tổ chức và hoạt động giống như công ty TNHH một thành viên (một chủ sở hữu). Luật DN năm 1999 chỉ quy định công ty TNHH một thành viên là tổ chức: Luật DN 2005 đã phát triển và mở rộng cả cá nhân cũng có quyền thành lập công ty TNHH một thành viên. Công ty TNHH một thành viên thuộc loại hình công ty đối vốn có tư cách pháp nhân, nhưng không được quyền phát hành cổ phiếu. Còn đối với người nước ngoài tại Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài thì họ được quyền thành lập công ty TNHH một thành viên theo chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và họ sẽ hoạt động theo luật khuyến khích đầu tư trong nước và luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Như vậy, *có thể khái quát Công ty TNHH một thành viên là DN do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.*

1.2. Đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1.2.1. Thành viên công ty là một cá nhân hoặc một tổ chức

Thành viên duy nhất này của công ty cũng chính là chủ sở hữu công ty. Nếu như trước đây công ty TNHH một thành viên là một tổ chức thì bây giờ pháp luật nước ta đã thừa nhận chủ sở hữu công ty là một pháp nhân. Điều này phù hợp với

chính sách khuyến khích phát triển DN của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời tạo ra môi trường pháp lý đa dạng và thuận lợi để cá nhân thành lập công ty riêng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế cũng như các quy định của Luật DN. Chính sự thừa nhận này tạo ra ưu thế riêng cho công ty TNHH một thành viên so với loại hình DN tư nhân.

1.2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân

Cá nhân hay tổ chức thành lập công ty TNHH một thành viên được coi là có tư cách pháp nhân, tức là đáp ứng đầy đủ 4 điều kiện luật định, đó là: được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập [35].

Theo quy định của pháp luật nhiều nước trên thế giới, công ty TNHH một chủ được thừa nhận là pháp nhân vì có sự tách bạch về tài sản giữa tài sản của DN và tài sản còn lại của chủ DN.

Khi nghiên cứu về pháp nhân chúng ta thấy: tài sản đem nhập vào công ty nói chung không còn thực quyền sở hữu của người góp tài sản, cũng không thuộc quyền sở hữu cộng đồng (sở hữu chung) của các thành viên nhưng cũng không là một vật vô chủ. Vậy ai là chủ của tài sản đó? Người chủ chính là người được quyền khai thác các tài sản do các thành viên đã đem góp vào công ty; sự khai thác nhằm đạt tới mục đích của các thành viên được ghi nhận trong khế ước khi thành lập công ty. Người chủ ấy là một chủ thể vô hình. Đó thực chất là một pháp nhân được tạo ra do khế ước thành lập công ty. Cho nên, danh từ công ty còn được dùng để chỉ pháp nhân này [26, tr.212].

Các luật gia quan niệm pháp nhân theo nhiều cách. Loại quan niệm thứ nhất cho rằng, pháp nhân là "một chủ thể giả tưởng". Bởi vì chỉ có người ta có hình hài, xương cốt - mới là chủ thể thực sự. Còn pháp nhân chỉ là một "cấu tạo giả tưởng" mang tính ước lệ của pháp luật. Pháp luật giả tưởng rằng, một tổ chức - do nhiều người hợp lại -

cũng là một người; phải giả tưởng như vậy, để có một cái gì đó làm trụ cho những quyền và nghĩa vụ được công nhận cho tổ chức đó, mà không phải là của riêng một thành viên nào cả. Đó là pháp nhân, một người vô hình, do các thành viên hợp lại cấu thành và là người đại diện cho tất cả các thành viên.

Loại quan điểm thứ hai, pháp nhân là một chủ thể thực sự. Theo thuyết này, khi một tổ chức, có hoạt động độc lập với ý chí, hoạt động của các thành viên thì tổ chức ấy là một chủ thể, có quyền lợi, có nghĩa vụ như một con người, tức là có nhân cách, nhân tính.

Khác với hai quan niệm trên, loại hình quan niệm thứ ba đơn giản cho rằng, nếu một tổ chức có tài sản để theo đuổi mục đích của mình thì tổ chức đó là một pháp nhân.

Pháp luật nước ta quy định các điều kiện để có tư cách pháp nhân như vậy là để góp phần tạo lập tư cách pháp lý độc lập và chế độ tự chịu trách nhiệm, nhất là trách nhiệm tài sản của các tổ chức, cá nhân đối với các hành vi pháp lý của mình. Khi thành lập công ty, chủ sở hữu là thành viên duy nhất của công ty phải cam kết góp vốn vào công ty với giá trị vốn góp và thời hạn góp vốn cụ thể. Số vốn góp của chủ sở hữu được thể hiện trong Điều lệ của công ty. Trường hợp chủ sở hữu không góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi như là nợ của cá nhân, tổ chức đó đối với công ty. Cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu công ty chỉ phải chịu trách nhiệm trong số vốn đã góp hoặc cam kết góp vào công ty, mọi nghĩa vụ phát sinh ngoài số vốn này thì không phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải liên đới chịu trách nhiệm đối với công ty. Đây cũng chính là đặc điểm xuất phát từ chế độ chịu TNHH của công ty TNHH một thành viên.

Như vậy, công ty TNHH một thành viên được ghi nhận là một pháp nhân, một chủ thể thực sự, theo đó, tài sản của công ty hoàn toàn độc lập với tài sản của thành viên công ty.

Thời điểm ghi nhận công ty TNHH một thành viên là pháp nhân cũng là một vấn đề quan trọng. Theo quan niệm chung của giới học giả nhiều nước thì công ty được coi là có tư cách pháp nhân ngay sau khi những thể thức thành lập đã hoàn tất, không cứ là công ty đã được công bố hay chưa. Nói cách khác, pháp nhân của công ty phát sinh khi nó được thành lập xong mà không cần phải đợi đến lúc nó được công bố; sự công bố chỉ là giấy khai sinh, báo cho người thứ ba biết là công ty đã ra đời.

Công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân, trước pháp lý, giống thể nhân về nhiều phương diện. Cũng như một thể nhân, công ty có tên, có chỗ ở (tức là trụ sở), có quốc tịch, có tài sản, có năng lực pháp lý, tức là năng lực thực hiện những hành vi pháp lý.

Tên công ty. Công ty cũng như con người, phải được đặt tên để phân biệt công ty này với công ty kia. Tên của công ty TNHH một thành viên phải ghi vào sổ đăng ký thương mại (ở Việt Nam gọi là phòng đăng ký kinh doanh) theo tên đã chọn. Khi đó, tên của công ty cũng được bảo vệ như thương danh của một thương gia thể nhân, không công ty nào khác được sử dụng tên gọi ấy.

Việc thay đổi tên gọi của công ty TNHH một thành viên cũng được pháp luật quy định hết sức nghiêm ngặt (vì việc thay đổi tên gọi của công ty có thể gây những hậu quả xấu cho xã hội hay cho người thứ ba). Pháp luật của nước Pháp coi việc thay đổi tên gọi của công ty cũng tương đương với việc thay đổi điều lệ của công ty và phải đăng ký tên gọi mới vào sổ đăng bạ thương mại.

Trụ sở. Công ty TNHH một thành viên phải có trụ sở cũng như người ta phải có trú quán. Trụ sở là nơi đặt cơ sở của công ty, cho nên trụ sở được đặt ở đâu thì các cơ quan điều khiển và quản trị của công ty TNHH một thành viên phải ở đó.

Quốc tịch. Địa vị pháp lý của công ty TNHH một thành viên do pháp luật của nước mà công ty mang quốc tịch quyết định. Quốc tịch của công ty là mối liên hệ mặt pháp lý của công ty vào một quốc gia. Vấn đề quốc tịch của DN nói chung, của công ty TNHH một thành viên nói riêng ở Việt Nam cho đến này vẫn còn là một vấn đề còn nhiều tranh luận, chưa ngã ngũ, chưa được quy định một cách rõ ràng trong pháp luật.

1.2.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty

Một trong những đặc trưng của công ty đối vốn đó là tính chất hữu hạn của chủ sở hữu công ty đối với phần vốn góp của mình vào công ty đó. Trong các loại hình DN thì công ty TNHH và công ty cổ phần đều có đặc điểm đó. Tuy nhiên, ngay trong tên gọi của nó, công ty TNHH đã thể hiện tính chất hữu hạn trong phạm vi trách nhiệm của thành viên công ty đối với các khoản nợ của công ty.Vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên được hiểu là số tiền do thành viên góp và ghi vào Điều lệ công ty. Vốn điều lệ của công ty có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, nếu phát sinh các khoản nợ và ngoài tài sản khác của công ty thì chủ sở hữu chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn điều lệ đã góp hoặc cam kết góp vào công ty chứ không phải đưa tài sản riêng của cá nhân, tổ chức ra để thanh toán các khoản nợ đó. Như vậy, trong công ty TNHH một thành viên, có sự phân tách tài sản giữa tài sản của công ty và tài sản của thành viên công ty. trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.

Đây là một đặc điểm cho phép phân biệt công ty TNHH một thành viên với DN tư nhân vốn được coi là một loại hình DN một chủ truyền thống. DN tư nhân là một đơn vị kinh doanh do một cá nhân bỏ vốn ra thành lập và làm chủ. DN tư nhân chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ trong kinh doanh. Trong DN tư nhân, không có sự tách bạch về tài sản cá nhân của chủ DN và tài sản của chính DN tư nhân đó.

1.2.4. Không được phát hành cổ phiếu ra công chúng để công khai huy động vốn

Cổ phiếu được hiểu đơn giản là giấy tờ có giá xác nhận quyền sở hữu cổ phần của DN. Rất nhiều công ty quyết định chọn phương án phát hành cổ phiếu để phục vụ cho kế hoạch tăng trưởng của mình. Cổ phiếu là đại diện cho quyền sở hữu DN của mỗi cổ đông, vì thế DN không có trách nhiệm phải hoàn trả lại số tiền góp vốn đó cho những chủ sở hữu cổ phiếu DN của mình.

Trong các loại hình công ty thì công ty TNHH nói chung trong đó có Công ty TNHH một thành viên không được phát hành cổ phiếu để huy động vốn.

Đây là một đặc điểm cho thấy sự khác biệt giữa công ty TNHH và công ty cổ phần. Trong khi một đặc trưng nổi bật, thể hiện rõ nét tính chất của công ty cổ phần đó là việc mô hình công ty này có quyền phát hành cổ phiếu để huy động vốn. Đây là cách thức huy động vốn quy mô rất lớn mà công ty cổ phần có thể tiến hành. Tuy nhiên, với đặc trưng của công ty TNHH thì hoạt động phát hành cổ phiếu để huy động vốn là không cần thiết và không đảm bảo. Do đó, trong trường hợp này công ty chỉ dựa trên khả năng tăng vốn điều lệ bằng tăng vốn góp của chủ sở hữu trong mô hình công ty TNHH một thành viên.

1.2.5. Quyền của chủ sở hữu trong việc chuyển nhượng, rút vốn công ty bị hạn chế

Công ty TNHH một thành viên được giảm vốn điều lệ trong trường hợp: "*Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký DN và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu*." [35]

Đây là 1 điểm mới đáng ghi nhận trong luật DN 2014 so với luật DN 2005, giải quyết được vấn đề trong quy định của luật DN 2005 là công ty TNHH một thành viên được không được giảm vốn điều lệ với lý do đây là loại hình DN do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu, chủ sở hữu của công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đều lệ của công ty, nếu pháp luật cho phép công ty TNHH một thành viên được giảm vốn điều lệ, chủ sở hữu có thể lợi dụng quy định này để giảm vốn điều lệ một cách dễ dàng nhằm trốn tránh các nghĩa vụ về tài sản, dẫn tới quyền lợi của các chủ nợ không được bảo đảm. Quy định trước đây lại không cho công ty TNHH một thành viên vô hình dung lại hạn chế không công bằng và bất hợp lý về quyền được giảm vốn điều lệ so với công ty TNHH hai thành viên được giảm vốn điều lệ khi đáp ứng được điều kiện đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký DN và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở

hữu. Đây là điều luật thể chế hóa nguyên tắc để xác định, đăng ký vốn thực góp của công ty, giải quyết tình trạng vốn không có thực (ảo) nhưng không thể xử lý được như hiện nay.

Theo đó, Công ty TNHH một thành viên nếu không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định như đã cam kết khi đăng ký thành lập DN thì được quyền đăng ký điều chỉnh giảm vốn bằng giá trị số vốn thực góp. Trong trường hợp này, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ vốn điều lệ đã đăng ký góp, số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị phần vốn góp, mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn cam kết góp. Trong quá trình hoạt động DN cũng có thể điều chỉnh giảm vốn bằng cách hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của Công ty theo các điều kiện quy định tại Luật DN năm 2014. [35]

Như vậy, chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty. Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

1.3. Ý nghĩa của mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Cũng như các loại hình DN khác, công ty TNHH một thành viên là yếu tố quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần DN có vị trí và vai trò rất lớn tác động đến sự phát triển kinh tế- xã hội. Cùng với vai trò đó đã và đang góp phần tăng trưởng cho nền kinh tế nói chung và góp phần vào tăng thu nhập quốc dân, DN vừa thực hiện nghĩa vụ xã hội đồng thời tổ chức các hoạt động kinh tế tìm kiếm lợi nhuận và thực hiện các chính sách của Nhà Nước xã hội được giao. Dù biết rằng loại hình công ty TNHH chỉ mới xuất hiện trong một khoảng thời

gian gần đây, được ghi nhận từ Luật DN 1999 và tiếp tục được ghi nhận trong Luật DN 2014. Song trong mỗi giai đoạn khác nhau, công ty TNHH một thành viên cho thấy vai trò khác nhau đối với nền kinh tế cũng như xã hội.

Trước hết công ty TNHH một thành viên ra đời góp phần khẳng định nguyên tắc cơ bản của công ty đó là tự do ý chí và tự do kinh doanh. Nguyên tắc tự do ý chí, tự do kinh doanh được xem là nền tảng cơ bản thể hiện bản chất pháp lý của công ty. Học thuyết tự do ý chí, tự do kinh doanh dựa trên nền tảng của tự do cá nhân, có ý nghĩa là không ai có thể ép buộc làm hay không làm một việc gì đó ngoài ý muốn của họ, không ai có thể bị ép buộc làm hay không làm một việc gì mà không xuất phát từ lợi ích của bản thân họ. Tuy nhiên, tự do cá nhân sẽ bị hạn chế trong lợi ích chung của cả cộng đồng, vì thế pháp luật đưa ra những quy định có tính bắt buộc để điều tiết các quan hệ cá nhân vì một lợi ích lớn hơn đó là sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Pháp luật về DN của Việt nam ghi nhận quyền tự do thành lập công ty TNHH một thành viên do tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam giai đoạn này. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, người dân tự lo liệu cuộc sống của mình thông qua sự lựa chọn cách thức làm ăn đó là bước vào hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập công ty. Nhà nước với quyền lực được nhân dân giao cho, có trách nhiệm tạo ra môi trường pháp lý và cung cấp phương tiện, chỉ dẫn cách thức để từng cá nhân có thể đáp ứng được các nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của mình. Công ty TNHH một thành viên sẽ giúp các tổ chức, cá nhân gia tăng lợi nhuận cũng được đáp ứng ngày một tốt hơn, con người trao đổi sản phẩm và phục vụ lẫn nhau. [35]

Luật DN 2014 tiếp tục ghi nhận cá nhân có quyền thành lập công ty và trở thành chủ sở hữu công ty có vai trò quan trọng nhằm đa dạng hóa cơ cấu chủ sở hữu (trước đây chỉ có chủ sở hữu là tổ chức) của loại hình DN này. Bên cạnh đó việc quy định công ty TNHH một thành viên là cá nhân sẽ tạo nên bức tranh minh bạch về chủ sở hữu trong công ty hiện nay, tránh tình trạng đứng hộ tên, số phần góp mà chủ sở hữu công ty ghi cho người khác đứng tên (trong công ty TNHH hai thành viên).

Qua những phân tích trên, chúng ta có thể thấy công ty TNHH một thành viên là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh mà pháp luật đã thừa nhận. Do vậy, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận và bảo vệ loại hình công ty TNHH một thành viên bên cạnh các loại hình DN đang tồn tại và phát triển ở Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên có vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng nền kinh tế, trong giai đoạn hiện nay thì mô hình công ty TNHH một thành viên rất phù hợp để cá nhân, tổ chức lựa chọn để phát triển kinh tế đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Đất Nước. Nếu xét từ trước năm 1986, nền kinh tế nước ta có đặc điểm là nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, với hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và hầu như thành phần kinh tế tư nhân không phát triển trong giai đoạn này. [26] Thời kì ấy, kinh tế tư nhân không những không được thừa nhận mà còn bị xem xét là đối tượng cần được tập thể hóa. Do đó ở thời kỳ này các DN nói chung và công ty TNHH một thành viên nói riêng không được phổ biến ở Nước ta. Từ khi Đảng và Nhà nước ta đổi mới, cộng thêm với sự ra đời của luật DN đã tạo điều kiện rất to lớn cho sự phát triển của DN nói chung, công ty TNHH một thành viên nói riêng. Công ty TNHH một thành viên đã góp phần sản xuất cho xã hội của cải vật chất không ngừng được tăng cao đáp ứng ngày càng tốt hơn về nhu cầu của đời sống nhân dân.

Tác động lớn của công ty TNHH là giải quyết một số lượng lớn việc làm cho tầng lớp dân cư, góp phần vào việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Xét về luận điểm này thì loại hình công ty TNHH một thành viên đã góp phầ tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Công ty TNHH một thành viên đã và đang đóng góp vai trò to lớn, góp phần vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và những vấn đề cấp bách về việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trong giai đoạn hiện nay [26, tr.126].

Công ty TNHH một thành viên đã đóng góp vai trò to lớn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần làm cho công nghiệp phát triển mạnh, đồng thời

thúc đẩy các ngành thương mại dịch vụ cùng phát triển, thúc đẩy nền kinh tế đất nước ngày cành phát triển có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Loại hình này hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, nhưng đa số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, thương mại, dịch vụ.... những lĩnh vực hoạt động trên của công ty TNHH một thành viên đã góp phần chuyển cơ cấu nền kinh tế Đất nước. Nếu như trước đây kinh tế nước ta phụ thuộc lớn vào nông nghiệp thì ngày nay với tốc độ phát triển kinh tế Đất nước thì các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ đã và đang phát triển mạnh.

1.4. Khái niệm pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Như đã trình bày ở trên, công ty TNHH một thành viên là loại hình doanh nghiệp có rất nhiều ưu điểm nổi trội trong việc quản trị mô hình công ty nhỏ có hiệu quả, phân tán rủi ro cho các nhà kinh doanh. Song để loại hình doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả thì một trong những đòi hỏi tất yếu của nó là phải có được một cơ sở pháp lý tốt. Do vậy, những chính sách luật pháp rõ ràng để tạo ra hành lang pháp lý minh bạch, công khai cho các doanh nghiệp, trong đó có công ty TNHH một thành viên là điều hết sức cần thiết.

Các quy định trong luật về công ty TNHH một thành viên một mặt phải tạo ra được các cơ hội để các công ty này tích cực và chủ động phát triển, mặt khác phải có sự rằng buộc để hạn chế các công ty cổ phần, đặc biệt là các công ty lớn có thể thao túng thị trường, lừa đảo, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, tài sản của các tổ chức và của các công dân.

Ngoài ra pháp luật về công ty TNHH một thành viên phải đạt được sự đồng bộ, nhất quán, có sự điều chỉnh kịp thời để giúp các công ty TNHH một thành viên không rơi vào tình trạng một là bị hạn chế năng lực kinh doanh và sức sản xuất chỉ vì các cơ chế, chính sách quá chồng chéo, mâu thuẫn và lạc hậu, hai là lại bị lúng túng, không biết xử lý ra sao vì các chính sách, chủ trương thường xuyên bị thay đổi.

Để đạt được các yêu cầu như trên thì pháp luật về công ty TNHH một thành viên phải có những nội dung chủ yếu được nêu ở dưới đây.

Hai nội dung chủ yếu mà pháp luật về công ty TNHH một thành viên cần phải có được là như sau:

Thứ nhất, các quy định về tổ chức và hoạt động của các công ty TNHH một thành viên bao gồm các điểm chính yếu sau: các quy định cụ thể về việc thành lập cũng như việc tổ chức lại, giải thể hay phá sản của doanh nghiệp; về cơ chế hoạt động, quyền lợi, nghĩa vụ và địa vị pháp lý của các công ty TNHH một thành viên.

Thứ hai, các quy định về nhiệm vụ và quyền hạn đối với các chủ thể quản lý Nhà nước phải bao gồm các nội dung quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp cũng như quy định về quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý từ cao đến thấp, từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là các cơ quan có quan hệ mật thiết đối với sự hình thành và hoạt động của các cônh ty TNHH một thành viên là cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và cơ quan thanh tra.

Như vậy chúng ta có thể rút ra khái niệm pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như sau: ***Pháp luật về công ty TNHH một thành viên là hệ thống các quy định của pháp luật điều chỉnh về các quan hệ trong việc thành lập, tổ chức hoạt động và chấm dứt hoạt động của công ty TNHH một thành viên.***

Tiểu kết chương

Chương 1 của luận văn là chương mà tác giả phân tích về những vấn đề lý luận có liên quan đến vấn đề công ty TNHH một thành viên. Trong chương 1 tác giả phân tích 3 nội dung cơ bản gồm:

Thứ nhất tác giả nghiên cứu về khái niệm công ty TNHH một thành viên. Ở đây tác giả đi từ khái niệm công ty nói chung. Khái niệm công ty được coi là khái niệm trung tâm của Luật DN bất kỳ quốc gia nào. Tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội mà mỗi nước đưa ra khái niệm công ty khác nhau. Từ khái niệm chung đó, việc phân tích làm rõ khái niệm công ty TNHH một thành viên là rất quan trọng.

Thứ hai, tác giả đưa ra phân tích 5 dấu hiệu (đặc điểm) của công ty TNHH một thành viên. Theo đó công ty TNHH một thành viên chỉ có 01 thành viên là cá nhân hoặc tổ chức, công ty này không được phát hành cổ phiếu để huy động vốn… Các đặc điểm này là đặc điểm riêng có của công ty TNHH một thành viên mà dùng nó để phân biệt với các loại hình công ty khác.

Thứ ba, tác giả phân tích về ý nghĩa của việc quy định về mô hình công ty TNHH một thành viên. Loại hình công ty này có những nét lai giữa công ty TNHH và DN tư nhân. Do đó nó mang lại những giá trị ưu điểm mà không nhiều công ty có được. Tính cá thể hóa nhưng vẫn đảm bảo TNHH là đặc trưng này.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

2.1.1. Quy chế thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**** Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Điều kiện về chủ thể của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ở các nước phát triển việc thành lập công ty hoàn toàn là quyền của công dân, còn đối với Pháp luật của Việt Nam đã và đang bắt đầu tiếp thu từ tư tưởng tiến bộ này, qua đó xóa bỏ chế độ xin phép thành lập công ty đã tồn tại trong nhiều năm, chỉ thực hiện đăng ký kinh doanh công ty, coi việc thành lập và đăng ký là quyền của công dân và tổ chức được nhà nước bảo hộ bằng pháp luật. Công ty TNHH một thành viên là DN do tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu công ty, chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ và tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn Điều lệ của công ty. Do công ty TNHH một thành viên cũng là một DN và chịu sự điều chỉnh của luật DN, một số văn bản có liên quan khác đến luật DN cũng như các công ty khác, công ty TNHH một thành viên sẽ được đăng ký theo những trình tự nhất định.

Như vậy Luật DN 2014 phân chia 2 đối tượng về chủ thể: Đối tượng được quyền thành lập và quản lý DN, đối tượng được quyền góp vốn vào DN. Đối với loại hình công ty TNHH một thành viên chủ sở hữu công ty chính là người góp vốn để thành lập công ty TNHH một thành viên với điều kiện chủ sở hữu phải không thuộc đối tượng bị cấm thành lập DN.

Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 18 Luật DN 2014 thì tổ chức cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đều có quyền thành lập và quản lý DN tại Việt

Nam. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật DN 2014 được quy định như sau:

+ Cơ quan Nhà Nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản Nhà Nước để thành lập DN kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan đơn vị mình.

+ Cán bộ công chức theo quy định của cán bộ công chức.

+ Cán bộ lãnh đạo quản lý nghiệp vụ trong các DN có 100% vốn sở hữu Nhà Nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của nhà nước tại DN khác.

+ Sĩ quan hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các đơn vị thuộc quân đội nhân dân Việt Nam, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.

+ Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

+ Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản [35].

**** Đăng ký hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

- Hồ sơ đăng ký DN

Theo quy định tại Điều 22 luật DN 2014, điều 23 nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng kí kinh doanh thì hồ sơ đăng kí DN của công ty TNHH 1 thành viên bao gồm: (1) Giấy đề nghị đăng ký DN; (2) Điều lệ công ty; (3) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên được tổ chức quản lý theo theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên/ Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên; (4) Bản sao hợp lệ các giấy tờ của chủ sở hữu; (5) Các giấy tờ khác

Nội dung giấy đề nghị đăng ký DN là công ty TNHH một thành viên cần có: Tên DN; Địa chỉ trụ sở chính của DN; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có); Ngành, nghề kinh doanh; Vốn điều lệ; Thông tin đăng ký thuế; Số lượng lao động; Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của DN.

Đối với bản Điều lệ công ty TNHH một thành viên thì cần có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có);

- Ngành, nghề kinh doanh;

- Vốn điều lệ;

- Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu công ty, thành viên; phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên;

- Quyền và nghĩa vụ của thành viên;

- Cơ cấu tổ chức quản lý;

- Người đại diện theo pháp luật;

- Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

- Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

- Những trường hợp thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp;

- Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;

- Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Bản Điều lệ này khi đăng ký DN tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền bao gồm: Đối với công dân Việt Nam: thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

Các giấy tờ khác có thể bao gồm: (1) Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

- Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân;

- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký DN hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp DN được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Và (2) văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Như ta đã biết, việc đăng ký kinh doanh là sự ghi nhận về mặt pháp lý cho sự ra đời của một DN. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì DN mới có được tư cách chủ thể để tiến hành hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp theo các quy định của pháp luật.Việc DN đăng ký kinh doanh nói chung và công ty TNHH một thành viên nói riêng có ý nghĩa trong việc sự thừa nhận chính thức về mặt pháp lý của sự tồn tại của một DN có tư cách chủ thể để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Việc đăng ký kinh doanh có ý nghĩa trong việc cung cấp thông tin về DN. Khi đăng ký kinh doanh các thông tin cần thiết về DN được ghi trong sổ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Những đối tác muốn có quan hệ với DN có thể tìm hiểu thông tin ban đầu về DN bằng cách xem sổ đăng ký kinh doanh.

- *Trình tự, thủ tục đăng ký DN*

Theo điều 27, 28, 29 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng kí kinh doanh

Bước 1: Người thành lập DN hoặc DN hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ theo quy định tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi DN đặt trụ sở chính.

Bước 2: Hồ sơ đăng ký DN được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký DN khi:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định;

b) Tên DN đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký DN, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký DN, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký DN;

c) Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký DN;

d) Đã nộp phí, lệ phí đăng ký DN theo quy định.

Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký DN, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký DN, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký DN sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký DN.

Bước 5: Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên DN yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập DN hoặc DN trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký DN đối với mỗi một bộ hồ sơ do DN nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký DN.

Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN, hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký DN thì người thành lập DN hoặc DN có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Bước 6: DN có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký DN trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký và nộp phí để nhận qua đường bưu điện.

Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký DN có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN. DN có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

DN có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký DN và phải nộp phí theo quy định.

- *Thủ tục sau đăng ký DN*

Theo quy định tại điều 33 luật DN 2014:

DN sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN, phải thông báo công khai trong vòng 30 ngày trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký DN theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký DN và các thông tin sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh;

b) Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.

Nói tóm lại, công ty TNHH một thành viên đã thực hiện một cuộc cải cách hành chính trong việc thành lập DN theo hướng cải cách giảm bớt những thủ tục, hồ sơ trùng lập không cần thiết, qua đó làm giảm bớt chi phí về thời gian, công sức và tiền bạc cho việc thành lập DN, đồng thời cũng giúp cho DN có được sự chủ động trong hoạt động. Những cải cách đó đã tháo bỏ những cản trở đã tồn tại nhiều năm nay với việc thành lập DN, qua đó giúp cho xã hội huy động được nguồn vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng sức cạnh tranh trên thị trường để làm cho nền kinh tế được phát triển tốt hơn. Và đây là điều hoàn toàn hợp lý trong điều kiện nên kinh tế nước ta mở của và tiến hành cải cách thủ tục hành chính tạo lòng tin cho DN lẫn các nhà đầu tư. Xem Việt Nam là một địa chỉ thật sự hấp dẫn cho việc tiến hành

hoạt động kinh doanh các loại hình kinh tế nói chung và loại hình công ty TNHH một thành viên nói riêng.

**** Quy định về tổ chức lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Việc tổ chức lại DN một cách linh hoạt được quy định khá cụ thể trong Luật DN. Mục đích và ý nghĩa của Luật DN khi quy định về các biện pháp tổ chức lại DN là nhằm tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho các nhà đầu tư. Bởi vì, cùng là một loại hình kinh doanh, nhưng tại giai đoạn này thì phù hợp nhưng sang giai đoạn khác không còn phù hợp nữa. Do đó, quy định các biện pháp tổ chức lại DN đã tạo ra cơ hội cho các nhà đầu tư thay đổi hình thức kinh doanh phù hợp với xu thế phát triển kinh tế, tránh tình trạng phải giải thể hay phá sản một cách không cần thiết. Hơn nữa việc đưa ra một khung pháp lý để tổ chức lại DN nhằm giúp DN hoạt động hiệu quả, bảo vệ lợi ích của các bên liên quan như chủ nợ, người lao động, lợi ích Nhà nước... là vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo lập và ổn định môi trường kinh doanh. Các biện pháp tổ chức lại DN cũng phong phú và đa dạng, gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và chuyển đổi hình thức pháp lý của DN.

Khi đầu tư vốn kinh doanh, nhà đầu tư có quyền lựa chon quy mô và hình thức kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, các chủ đầu tư lại có quyền mở rộng, thu hẹp quy mô hoặc chuyển đổi hình thức kinh doanh phù hợp với khả năng kinh doanh của họ ở từng giai đoạn kinh doanh khác nhau. Tổ chức lại DN là những biện pháp nhằm thay đổi quy mô hoặc loại hình, theo quyết định của chủ DN phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh. Tổ chức lại DN bao gồm chia, tách, hợp nhất, sát nhập và chuyển đổi loại hình đượcquy định cụ thể từ Điều 192 đến Điều 199 Luật DN 2014.

-Chia DN:

Đối tượng áp dụng là công ty TNHH và công ty cổ phần. Các DN có thể được chia thành một số DN cùng loại. Việc chia DN là giảm quy mô nhưng làm tăng số lượng DN. Số lượng thành viên, cổ đông và số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của thành viên, cổ đông và vốn điều lệ của các công ty mới sẽ được ghi tương

ứng với cách thức phân chia, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần của công ty bị chia sang các công ty mới tương ứng. [26, tr.154]

Hậu quả pháp lý của việc chia DN: Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN. Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các công ty đó thực hiện các nghĩa vụ này.

- Tách DN:

Đối tượng áp dụng là công ty TNHH, công ty cổ phần. Công ty TNHH, công ty cổ phần có thể tách DN bằng cách chuyển một phần tài sản của công ty hiện có (công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty mới (công ty được tách); chuyển toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của một hoặc một số thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần, phần vốn góp của họ được chuyển sang cho các công ty mới; hoặc kết hợp cả hai hình thức trên.

Hậu quả pháp lý: Công ty bị tách phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ và số lượng thành viên tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên giảm xuống đồng thời với đăng ký DN các công ty mới. Sau khi đăng ký DN, công ty bị tách và công ty được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị tách, trừ trường hợp công ty bị tách, công ty mới thành lập, chủ nợ, khách hàng và người lao động của công ty bị tách có thỏa thuận khác.

- Hợp nhất DN:

Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Hai hoặc một số công ty (công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền , nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất.

Hậu quả pháp lý: Sau khi đăng ký DN, các công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các

khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất.

- Sáp nhập DN:

Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Một hoặc một số công ty (công ty sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.

Hậu quả pháp lý: Sau khi đăng ký DN, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

**** Quy định về giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Giải thể DN là việc DN chấm dứt hoạt động kinh doanh do đã đạt được những mục tiêu mà các thương nhân khi kinh doanh đã đặt ra hoặc bị giải thể theo quy định của pháp Luật. Hiện nay trên thực tế có rất nhiều những thương nhân sau khi đăng ký kinh doanh nhưng vì những lý do khác nhau đã không tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc đang kinh doanh nhưng không tiếp tục kinh doanh nữa không thông báo tạm ngừng hoạt động hoặc không giải thể DN do thủ tục giải thể phức tạp và mất nhiều thời gian. Luật DN quy định về giải thể và thủ tục giải thể như sau:

-Các trường hợp và điều kiện giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

- Theo quyết định của chủ DN đối với DN tư nhân; của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn sáu tháng liên tục;

- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Thủ tục giải thể DN

Thứ nhất, công ty TNHH phải thông qua quyết định giải thể DN. Quyết định giải thể phải có những nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty TNHH một thành viên; lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thành lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty, thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH một thành viên.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, thông báo giải thể phải được gửi đến phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, tất cả các chủ nợ, người có quyền và nghĩa vụ, lợi ích liên quan, người lao động trong công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh (nếu có) của công ty. Đồng thời, công ty phải tiến hành đăng báo giải thể ba số liên tiếp, báo viết hoặc báo điện tử.

Thứ hai, công ty TNHH một thành viên tiến hành thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của công ty.

Quyết định giải thể của công ty phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết kiếu nại của chủ nợ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày thanh toán hết nợ của công ty, chủ sở hữu công ty phải gửi hồ sơ giải thể công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng đăng ký kinh doanh xóa tên công ty trong sổ đăng ký kinh doanh. Tại thời điểm này công ty TNHH một thành viên chấm dứt tư cách pháp nhân của mình.

Trường hợp công ty TNHH một thành viên trong quá trình hoạt động vi phạm những quy định của pháp luật dẫn đến bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì công ty phải giải thể trong vòng sáu tháng kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh. Quá sáu tháng mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể của công ty thì công ty đó được coi như đã giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên công ty trong sổ đăng ký kinh doanh. Chủ sở hữu công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán hết. Luật DN 2014 không có hướng dẫn cụ thể thủ tục giải thể trong trường hợp công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký DN hoặc theo quyết định của tòa án.

Ngoài ra, Luật DN còn quy định thêm các hoạt động bị cấm kể từ khi công ty có quyết định giải thể. Chủ sở hữu công ty không được phép cất giấu, tẩu tán tài sản, từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ, chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của công ty, không được ký kết các loại hợp đồng mới trừ hợp đồng nhằm thực hiện việc giải thể hay cầm cố, thế chấp, tặng, cho, cho thuê tài sản, huy động vốn dưới mọi hình thức, chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực.

Tuy nhiên, trong quá trình thực thi cho thấy những bất cập và khó khăn trong giải thể DN thể hiện dưới hai hiện tượng: (i) nhiều DN ngừng hoạt động mà không làm thủ tục giải thể, và (ii) nhiều DN gặp khó khăn và mất nhiều thời gian để làm thủ tục giải thể. Một số trường hợp, chủ DN là người nước ngoài bỏ mặc DN, bỏ trốn về nước và để lại những khoản nợ. Cơ quan nhà nước có liên quan cũng rất khó khăn, lúng túng khi giải quyết những trường hợp này.

Khó khăn, vướng mắc trong giải thể DN được cho là do một số nguyên nhân sau: Thứ nhất, một số khái niệm có liên quan chưa rõ ràng, khó xác định trên thực tế, ví dụ như khái niệm "không hoạt động liên tục 6 tháng" theo khoản 2(d) Điều 165 Luật DN. Thứ hai, Luật thiếu những biện pháp chế tài, quy định ràng buộc trách nhiệm của người quản lý DN thực hiện giải thể DN theo đúng trình tự, thủ tục. Thứ ba, Khoản 6 Điều 158 của Luật DN chưa hợp lý và có nhiều tác động tiêu cực. Một số DN lạm dụng quy định này để được giải thể "tự động" mà không mất thời gian, chi phí để làm thủ tục giải thể. Thứ tư, thực tế cho thấy khi thực hiện giải thể thì thủ

tục khó khăn và tốn kém thời gian nhất lại là thủ tục xin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

2.1.2. Quy định về tổ chức, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**** Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một tổ chức***

- Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền với nhiệm kỳ không quá năm năm để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Người đại diện theo uỷ quyền phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật DN.

- Chủ sở hữu công ty có quyền thay thế người đại diện theo uỷ quyền bất cứ khi nào.

Trường hợp có ít nhất hai người được bổ nhiệm làm đại diện theo uỷ quyền thì cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên; trong trường hợp này, Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo uỷ quyền.

- Trường hợp một người được bổ nhiệm làm người đại diện theo uỷ quyền thì người đó làm Chủ tịch công ty; trong trường hợp này cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

- Điều lệ công ty quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

- Hội đồng thành viên

- Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công

ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

- Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

-Chủ sở hữu công ty chỉ định Chủ tịch Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ, quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 49 và các quy định khác có liên quan của Luật này.

- Thẩm quyền, cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

- Chủ tịch công ty

- Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

- Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

- Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

- Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá năm năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền sau đây:

Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

Tuyển dụng lao động;

Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

-Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý DN theo quy định của Luật này;

Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền hoặc Chủ tịch công ty;

Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Kiểm soát viên

- Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

- Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:

Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu công ty.

- Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

- Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý DN theo quy định của Luật này;

Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên

- Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây:

Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;

Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các DN mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên

-Người quản lý công ty và Kiểm soát viên được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh

doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập DN, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

**** Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một cá nhân***

- Công ty TNHH một thành viên là cá nhân có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Chủ sở hữu công ty đồng thời là Chủ tịch công ty. Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể của Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch công ty.

2.1.3. Chế độ tài chính và vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**** Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên tại thời điểm đăng ký DN là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập DN trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN. Xét thấy thời gian này là ngắn hơn rất nhiều so với quy định tại Luật DN năm 2005 khi thời gian tương tự được Luật này xác định là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. [10] Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ. Chủ sở hữu chịu trách

nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Trong quá trình kinh doanh, công ty có quyền tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ được tăng theo quyết định của chủ sở hữu trong trường hợp: (i) Chủ sở hữu công ty đầu tư thêm; (ii) Huy động thêm vốn góp của người khác.

Công ty TNHH 1 thành viên được quyền giảm vốn điều lệ trong trường hợp: (i) Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký DN và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu; (ii) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định .

Như vậy, có thể thấy một điểm mới nổi bật của luật DN 2014 là cho phép Cty TNHH 1 thành viên được phép giảm vốn điều lệ.Theo đó, Luật DN 2014 đã quy định công ty TNHH MTV phải giảm vốn điều lệ đúng với số vốn thực góp mà chủ sở hữu đã góp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký DN. Tuy nhiên, quy định về trường hợp thay đổi vốn điều lệ của công ty TNHH MTV có vẻ khó hiểu và khó áp dụng. Cụ thể, Công ty TNHH MTV được thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp: "Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 2 năm, kể từ ngày đăng ký DN và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu". Quy định này không thể hiện rõ rằng công ty TNHH MTV được giảm vốn điều lệ, mà sử dụng cụm từ "hoàn trả", và việc hoàn trả chỉ được thực hiện khi đáp ứng 2 điều kiện "hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 2 năm kể từ ngày đăng ký DN" và "bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu".

Do quy định không rõ ràng như vậy, đã dẫn đến luồng ý kiến cho rằng đây thực chất là hành vi rút vốn, vì bản chất công ty TNHH MTV và chủ sở hữu của nó là một thể thống nhất, ý chí của công ty cũng là ý chí của chủ sở hữu, thế nên không thể cho rằng đây là việc công ty hoàn trả vốn cho chủ sở hữu, mà việc hoàn trả vốn nếu có

phải xuất phát từ hành động yêu cầu rút vốn từ phía chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều 76 Luật DN 2014 thì "Chủ sở hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp cho tổ chức và cá nhân khác", việc chuyển nhượng đồng nghĩa với việc không có sự thay đổi về vốn góp mà chỉ có sự thay đổi về thành viên công ty. Vì thế không thể cho rằng đây là quy định về việc giảm vốn điều lệ. Cũng có luồng ý kiến khác, nhận định việc hoàn trả vốn thực chất là việc giảm vốn điều lệ và nó phát sinh khi DN đáp ứng đủ 2 điều kiện quy định tại Điều 87 Luật DN 2014. Thế nhưng, căn cứ vào đâu để công ty quyết định hoàn trả vốn cho chủ sở hữu và việc hoàn trả có dẫn đến thay đổi các nội dung liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký DN và các thủ tục hành chính (nếu có) hay không? Đây là vấn đề vẫn chưa được quy định cụ thể. Do vậy, các nhà làm luật nên sớm ban hành các văn bản hướng dẫn nhanh chóng và chính xác, để tránh tình trạng lúng túng từ phía DN cũng như các cơ quan chức năng, dẫn đến việc áp dụng sai tinh thần của Luật DN 2014.

**** Huy động, quản lý, sử dụng vốn***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, ngoài số vốn do chủ sở hữu đầu tư, công ty TNHH một thành viên được quyền huy động vốn của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động kinh doanh. Công ty có trách nhiệm hoàn trả số vốn đã huy động và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết. Chủ sở hữu công ty quyết định và chịu trách nhiệm về các hợp đồng vay vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của công ty tài thời điểm gần nhất trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế của vốn vay. Trường hợp chủ sở hữu công ty quyết định tỷ lệ nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính thì tỷ lệ cụ thể phải được ghi trong Điều lệ. Ngoài ra, các dự án vay vốn khác thì do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định.

* Tăng, giảm vốn điều lệ Theo Điều 76 Luật DN (2014), công ty TNHH một thành viên không được giảm vốn điều lệ. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Trường

hợp tăng vốn điều lệ bằng cách huy động thêm phần vốn góp của người khác thì công ty phải chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Việc quyết định sao cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty và tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Luật DN quy định công ty không được giảm vốn điều lệ nhằm đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, tránh trường hợp chủ sở hữu giảm vốn điều lệ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, trong trường hợp chủ sở hữu công ty góp vốn bằng tài sản và đã thực hiện chuyển quyền sử hữu tài sản cho công ty nhưng do biến động thị trường, giá trị tài sản này giảm xuống nhưng pháp luật không cho phép tiến hành thủ tục giảm vốn điều lệ theo giá trị giảm xuống của tài sản góp vốn, sẽ ảnh hưởng không tốt đến quyền lợi của các chủ nợ của công ty.

* Chuyển nhượng vốn Theo quy định của Luật DN, việc chuyển nhượng vốn góp đối với công ty TNHH một thành viên không tự do và dễ dàng. Điều 66, khoản 1 quy định: Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút vốn một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Quy định này thiếu chính xác khiến điều luật không có nghĩa. Thực vậy, vấn đề đặt ra là: việc rút vốn dưới "hình thức khác" được thực hiện trên thực tế như thế nào? Và "liên đới" chịu trách nhiệm với ai? Ngoài việc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn cho người khác, chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên còn có thể giảm vốn điều lệ, và trong trường hợp này một mình họ phải chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

* Quản lý, sử dụng vốn Trong quá trình hoạt động, công ty được quyền thay đổi cơ cấu tài sản cũng như các loại vốn phục vụ cho việc phát triển kinh doanh có hiệu quả cao. Đồng thời với việc sử dụng vốn và tài sản để phát triển kinh doanh, công ty được quyền sử dụng vốn để đầu tư ra bên ngoài nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Hơn nữa, việc đầu tư vốn ra bên ngoài còn với mục đích phân tán, giảm bớt rủi ro trong kinh

doanh. Một số hình thức đầu tư vốn ra bên ngoài như góp vốn liên doanh, nhận chuyển nhượng vốn đầu tư của các nhà đầu tư khác, góp vốn thành lập công ty TNHH, công ty cổ phần v.v..

2.1.4. Quyền và nghĩa vụ của công ty, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**** Quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Công ty TNHH một thành viên có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Quyền này thể hiện ở chỗ, Nhà nước công nhận sự tồn tại và phát triển lâu dài loại hình công ty TNHH một thành viên, bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của DN, thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH một thành viên có quyền lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng. Việc pháp luật quy định quyền này của DN có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển hoạt động kinh doanh của DN. DN có quyền sử dụng số vốn của chính công ty để kinh doanh sinh lợi. Nhà nước không can thiệp hay bắt buộc công ty phải có một hình thức cố định cứng nhắc nào trong việc sử dụng vốn hay tham gia vào thị trường thương mại nào, kể cả trường hợp công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước.

Sau khi công ty TNHH một thành viên đăng ký thành lập, họ được phép tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động phù hợp theo yêu cầu kinh doanh thực tế của DN. Tuy nhiên, những vấn đề về tuyển dụng và sử dụng lao động của DN phải tuân thủ những quy định của pháp luật lao động.

Khi công ty đã đăng ký vốn điều lệ có thể bằng tiền, hiện vật hoặc công nghệ thì công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt số tài sản đó và tự chủ quyết định các công việc kinh doanh cũng như các quan hệ nội bộ trong công ty. Công ty chủ

động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh đối với các đối tác trong và ngoài nước, không phân biệt loại hình DN nào. Đồng thời công ty TNHH một thành viên có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp nguồn lực không được pháp luật quy định.

Bên cạnh đó, Luật DN còn thừa nhận việc xuất, nhập khẩu là quyền năng cơ bản mà DN đương nhiên được phép hoạt động. Nếu như trước đây, muốn tham gia hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, công ty phải đăng ký mã số xuất nhập khẩu thì bây giờ thủ tục đó được bãi bỏ, công ty chỉ cần đăng ký mã số thuế, khi có hoạt động xuất, nhập khẩu thì mã số thuế đương nhiên được xem là mã số xuất, nhập khẩu. Việc quy định quyền kinh doanh này đã tạo điều kiện thuận lợi hơn về mặt thủ tục hành chính cho DN, đồng thời thể hiện được xu hướng toàn cầu hóa trong hoạt động thương mại.

**** Nghĩa vụ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Bên cạnh các quyền cơ bản mà Luật DN (2005) quy định, công ty TNHH một thành viên có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề có điều kiện. Đối với những ngành, nghề đã đăng ký chất lượng thì phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ đó.

Sau khi đã đăng ký kinh doanh và khắc dấu, công ty TNHH một thành viên phải tiến hành đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, công ty có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán. Đồng thời, DN phải thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về DN, tình hình tài chính của DN với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định, khi phát hiện có thông báo về các thông tin kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác thì DN phải kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, chính xác.

Mặt khác, để bảo vệ người lao động, Luật DN còn quy định, công ty TNHH một thành viên phải đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Công ty TNHH một thành viên còn phải tuân thủ một số quy định nghiêm ngặt về vấn đề tài chính của công ty như công ty không được phát hành cổ phần, không được giảm vốn điều lệ, trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần góp vốn của người khác thì công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên.

**** Quyền của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

Theo Điều 75 Khoản 1 Luật DN năm 2014 thì chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là tổ chức có các quyền sau đây:

** Quyền quản lý công ty:*

- Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty;

- Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

** Quyền liên quan đến tài sản công ty:*

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty;

- Quyết định dự án đầu tư phát triển;

- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo

tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

- Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

- Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

- Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

- Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

- Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

Các chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là cá nhân có các quyền sau đây:

Quyền quản lý DN:

- Quyết định, nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

Quyền liên quan đến tài sản công ty:

- Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

- Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

- Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

**** Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

- Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

- Tuân thủ Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

- Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

- Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Khái quát tình hình tự nhiên kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội

Hà Nội - Thủ đô ngàn năm tuổi của đất nước, có vị thế "rồng cuộn, hổ ngồi", nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, các mạch núi Tây Bắc và Đông Bắc đã hội tụ về đây (Hoàng Liên Sơn, Con Voi, Tam Đảo, các cánh cung Đông Bắc), và do đó, các dòng sông cũng tụ Thủy về Hà Nội để rồi phân tỏa về phía Biển Đông (sông Đà, Thao, Lô, Chảy, Cầu). Hà Nội Nội có diện tích tự nhiên 920,97 km2, kéo dài theo chiều Bắc - Nam 53 km và thay đổi theo chiều Đông Tây từ gần 10km (phía Bắc huyện Sóc Sơn) đến trên 30km (từ xã Tây Tựu, Từ Liêm đến xã Lệ Chi, Gia Lâm).

Hà Nội có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là đầu não chính trị - hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế; là đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và đi quốc tế.

**** Về tình hình kinh tế xã hội.***

Theo số liệu thống kê mới nhất, dân số trung bình trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017 là 7.654,8 nghìn người, tăng 1,8% so năm trước. Trong đó, dân số thành thị là 3.764,1 nghìn người, chiếm 49,2% và tăng 1,7% so năm 2016; dân số nông thôn là 3.890,7 nghìn người, chiếm 50,8% và tăng 1,8% [8].

Mật độ dân số trung bình là 2.279 người/km2, dân cư phân bố không đều, tốc độ đô thị hóa phát triển tương đối nhanh, mật độ dân số tập trung tại các quận khá cao (mật độ dân số trung bình của 12 quận là 11.220 người/km2, trong đó cao nhất là quận Đống Đa 42.171 người/km2, thấp nhất là quận Long Biên 4.840 người/km2), cao gấp 4,9 lần so mật độ dân số trung bình toàn Thành phố. [8]

Cơ cấu dân số theo giới tính của Hà Nội tương đối cân bằng, số nữ nhiều hơn số nam không đáng kể, trung bình cứ 100 nữ thì có 97 nam.

Trong nhiều năm liền Thủ đô Hà Nội luôn đạt được nhịp độ tăng trưởng cao. Trong cả giai đoạn 2008-2013, GDP trên địa bàn đạt tốc độ tăng bình quân 9,4%; cao hơn 1,5-1,7 lần so với tốc độ tăng GDP cả nước, ước cả năm 2014 tăng 8,8%

Cơ cấu kinh tế Thủ đô đang chuyển dịch theo hướng hiện đại, hội nhập. Năm 2013, trong cơ cấu GDP của Thành phố, dịch vụ chiếm tỷ trọng 53,4%; công nghiệp - xây dựng chiếm 41,7% và nông lâm nghiệp chiếm 4,9%. Cơ cấu này tương đương như một số nước phát triển trong khu vực (Thái Lan, Malaixia, Philippine) [8]

Tiềm lực và vị thế của Thủ đô được nâng lên trong nền kinh tế cả nước. Nếu tính theo giá so sánh (năm 1994), quy mô kinh tế Hà Nội ước chiếm 12,73% GDP cả nước (bằng khoảng 1/2 GDP của Thành phố Hồ Chí Minh, cao gấp 3 lần của Hải Phòng và gấp 7 lần của Đà Nẵng). Đời sống nhân dân và các mặt xã hội, đô thị Thủ đô được cải thiện: GDP bình quân đầu người tăng từ 37,1 triệu đồng/người năm 2010 lên 63,3 triệu đồng/người năm 2013, gấp 2 lần so với cả nước, Hà Nội dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển con người và giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 1% (theo chuẩn nghèo cũ); năm 2012 còn 3,55% với 59.365 hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới), số hộ thoát nghèo năm 2013 là 16.500 hộ, căn bản xoá hộ nghèo thuộc diện chính sách [13,

tr182]. Các lĩnh vực giao thông, hạ tầng đô thị, văn hoá, xã hội, tinh thần được cải thiện, bộ mặt Thủ đô thêm khang trang, hiện đại, vừa giữ được bản sắc Thăng Long văn hiến, đang vươn lên xứng đáng với vị thế trung tâm chính trị, văn hóa, giao dịch quốc tế lớn của cả nước. [8]

Có thể thấy rằng, sau hơn 30 năm đổi mới, mở cửa và hội nhập, Hà Nội đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế, xã hội, nâng cao hơn vị thế của Thủ đô.

Như vậy, với vị trí là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học và kinh tế của cả nước, cộng với những điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, thành phố Hà Nội có rất nhiều DN đóng trên địa bàn, có rất nhiều DN có trụ sở chính, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở đây. Đặc biệt là với đặc thù là thủ đô của cả nước, thành phố Hà Nội mà đại diện là Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội đã quản lý rất nhiều DN, trong đó có nhiều DN hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên, đặc biệt trong các DN hoạt động với mục đích công ích, xã hội như công ty nước sạch, công ty thoát nước, công ty cây xanh đô thị, công ty chiếu sáng và một số công ty sản xuất hoặc dịch vụ khác.

Điều này dẫn đến việc tổ chức và hoạt động của các công ty TNHH một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội rất đa dạng. Tuy đạt được những kết quả nhất định nhưng cũng tồn tại không ít hạn chế, tồn tại.

2.2.2. Tình hình thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thành phố Hà Nội

** Tình hình chung về sự phát triển của các loại hình DN trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Hòa nhịp cùng với sự phát triển chung của cả nước, các DN của Hà Nội đã có sự phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm kinh tế chính trị của đất nước, Hà Nội luôn là một trong hai địa phương dẫn đầu cả nước về số lượng DN thành lập. Sau khi mở rộng địa giới hành chính, số lượng các DN trên địa bàn Hà Nội gia tăng mạnh mẽ. Số DN của Hà Nội chiếm khoảng 25% tổng số DN của cả nước.

Từ năm 2013 - 2017, số lượng các DN đăng ký thành lập và đi vào hoạt động tăng đột biến so với giai đoạn trước. Với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 20%/năm (mỗi năm có thêm 7.283 DN thực tế đi vào hoạt động) [19, tr196]. Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội, số DN đang hoạt động tăng từ 39.545 DN năm 2013 lên 79.015 DN năm 2017. [54]

Trong đó, số DN thành lập mới tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội từ giai đoạn 2013 - 2017 trung bình khoảng hơn 13.000 DN/1 năm, chiếm phần lớn là loại hình công ty TNHH và công ty cổ phần. Năm 2017, có 14.862 DN đăng ký thành lập mới theo Luật DN với số vốn khoảng 109 nghìn tỷ đồng, tăng 12% về số DN và 33% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Có 14.664 DN ngừng hoạt động (giảm 10,7% so với năm 2013), trong đó, giải thể là 740 (tăng 25,9%), bỏ địa chỉ kinh doanh là 7.625 (tăng 5,3%), tạm ngừng kinh doanh là 3.672 (giảm 37,1%), đang làm thủ tục giải thể là 2.627 DN. [54]

Đối với mô hình công ty TNHH một thành viên, thành phố Hà Nội có một loạt các công ty đang hoạt động trên địa bàn. Trong những năm vừa qua có rất nhiều công ty mới được thành lập điển hình là các công ty theo mô hình công ty con của các DN thuộc sở hữu nhà nước, các công ty con của các DN tư nhân ví du: các công ty thuộc tập đoàn dầu khí PVN, Tập đoàn điện lực EVN, các công ty công ích trên địa bàn thành phố Hà Nội như: Công ty chiếu sáng đô thị Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên cây xanh đô thị Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên vận tải Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên phát triển nhà Hà Nội.

** Thực trạng chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty TNHH một thành viên trên địa bàn Hà Nội*

Trên địa bàn cả nước nói chung và địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng, có 2 xu hướng trái chiều nhau trong việc chuyển đổi các công ty TNHH đó là: chuyển các công ty TNHH một thành viên sang các mô hình công ty khác chủ yếu là công ty cổ phần (xu hướng cổ phần hóa) đặc biệt là đối với DN nhà nước và xu hướng thứ hai là

trong giai đoạn từ 2010 đến 2013 đó là quá trình chuyển đổi các DN nhà nước sang công ty TNHH một thành viên.

- Kết quả đạt được trong chuyển đổi DNNN sang công ty TNHH một thành viên

Có thể nói việc chuyển đổi DNNN sang công ty TNHH một thành viên là một bước trong quá trình đổi mới DNNN, một giải pháp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế quốc gia. Có thế khái quát quá trình đổi mới DNNN đến nay chia làm ba nhóm biện pháp đó là: Nhóm biện pháp đầu tiên là nhóm biện pháp chủ yếu là sắp xếp lại nhân sự, cắt giảm bớt nhân lực bằng cách động viên về hưu sớm, "nghỉ chế độ một cục". Bằng cách này giá trị sản xuất của DNNN trên đầu người có tăng lên do số lao động giảm đi.

Nhóm biện pháp tiếp theo là nhóm biện pháp giải thể (một phần nhỏ, chủ yếu DNNN cấp địa phương quản lý, quy mô nhỏ), và tư nhân hóa toàn bộ hoặc phần lớn vốn nhà nước. Những biện pháp này có góp phần làm tăng năng suất lao động (ở những DN tư nhân hóa phần lớn hoặc hoàn toàn), và đỡ tiếp tục lãng phí vốn nhà nước (từ giải thể DN). Tuy nhiên số này chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số vốn, tài sản, và lao động của toàn bộ DNNN, bởi vậy hiệu quả cải thiện năng suất lao động đối với toàn hệ thống gần như không thể hiện.

Nhóm biện pháp thứ ba là cổ phần hoặc chuyển sang các hình thức khác như công ty TNHH một thành viên, nhưng Nhà nước vẫn là chủ sở hữu, và hoạt động của các DNNN có thay đổi tăng lên về hiệu quả và năng suất so với trước, tuy nhiên so với tiềm lực của mình thì vẫn còn hạn chế.

Sau một thời gian dài sắp xếp chuyển đổi sở hữu, đổi mới và nâng cao hoạt động của DNNN, số lượng DNNN đã giảm mạnh. Các DN 100% vốn nhà nước đã chuyển thành công ty TNHH một thành viên. Trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thành lập mới 18 DN 100% vốn nhà nước (hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên), chủ yếu là chuyển từ đơn vị sự nghiệp có thu, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành DN và trên cơ sở Ban quản lý các dự án đã đầu tư. Các công ty chuyển

đổi nhìn chung hoạt động tốt, đặc biệt trong các lĩnh vực công ích mà nhà nước cần quản lý chặt chẽ.

Xu hướng thứ hai là chuyển đổi các công ty TNHH một thành viên mà nhà nước nắm quyền quản lý sang các mô hình công ty khác trong đó chủ yếu là công ty cổ phần nhằm đảm bảo việc đa dạng hóa về sở hữu vốn và đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

Hà Nội là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thực hiện chủ trương cổ phần hóa DN Nhà nước (DNNN). Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2015 đã cổ phần hoá 111 DNNN và thành lập 114 công ty cổ phần. Giai đoạn 2015 - 2018 trên cơ sở sắp xếp lại các DNNN địa phương, đã thành lập 4 Tổng công ty (Vận tải, Du lịch, Xây dựng, Thương mại), chuyển đổi Công ty Điện tử Hanel sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con [8].

Tuy nhiên, tiến trình cổ phần hóa DNNN trên địa bàn còn chậm, hiện đang bị chững lại. Năm 2015 công tác cổ phần hóa không đạt kế hoạch đề ra, kết quả trong năm chỉ triển khai sắp xếp, đổi mới được 2 DNNN; trong đó cổ phần hóa 1 DN là Công ty TNHH một thành viên 19/12 Hà Nội, sáp nhập 1 DN là Công ty TNHH một thành viên Đầu tư dịch vụ Tuổi trẻ Hà Nội vào Công ty TNHH một thành viên Công viên cây xanh Hà Nội. Để tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN thời gian tới, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 28/TTr-UBND đề nghị Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới DN 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015; thông qua Kế hoạch 47/KH-UBND ngày 18/3/2013 về sắp xếp, đổi mới DN 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2013. Theo đó, Hà Nội sẽ triển khai sắp xếp 30 DNNN và bộ phận DNNN (cổ phần hóa 16 DN và bộ phận DN, sắp xếp 14 DN) [8].

Trong khi đó có những công ty TNHH một thành viên của thành phố Hà Nội quản lý trước khi cổ phần hóa là một DN kinh doanh tốt, thường xuyên có lãi, đời sống của người lao động ngày một cải thiện, nhưng sau đó có các nhà đầu tư thì không phát triển, trở nên thua lỗ kéo dài. Điển hình cho trường hợp này là Công ty rượu cồn Hà Nội – Halico.

Công ty Cồn rượu Hà Nội (Halico) tiền thân là Nhà máy rượu Hà Nội do hãng rượu Fontaine của Pháp xây dựng từ năm 1898. Đây là nhà máy lớn nhất trong 5 cơ sở được xây dựng ở khu vực Đông Dương thời bấy giờ.

Giai đoạn 2008-2012 là lúc Halico vươn mình mạnh mẽ, doanh thu tăng trưởng nhanh chóng, khẳng định vị trí số một trong ngành rượu của cả nước. Doanh thu và lợi nhuận năm 2008 đạt lần lượt khoảng 680 tỷ đồng và hơn 160 tỷ đồng, vọt lên gần 1.060 tỷ và 220 tỷ chỉ một năm sau đó.

Với vị thế của mình, Halico được nhiều nhà đầu tư nước ngoài chú ý. Năm 2011, Tập đoàn Diageo đến từ Anh đã phải chi ra tới 800 tỷ đồng để sở hữu 18,67% cổ phần của Halico với mức giá lên tới 214.000 đồng một cổ phiếu. Sau đó, Diageo tăng sở hữu lên 45,5% và trở thành cổ đông lớn số 2 tại đây. Ước tính, hãng này đã phải bỏ ra trên 1.900 tỷ đồng vào thương vụ này. Như vậy, Diageo đã định giá Halico khoảng 4.300 tỷ đồng thời điểm đó. Ngoài ra, Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội cũng nắm 54,3% vốn tại đây.

Tuy nhiên sau giai đoạn này, thị phần Halico giảm đột ngột, nhiều thương hiệu nổi tiếng mất tích trên thị trường trước làn sóng xâm nhập của rượu ngoại. Năm 2013, doanh thu của hãng sụt mạnh còn 640 tỷ đồng, lợi nhuận chỉ 29 tỷ đồng. Cú trượt dài tiếp tục sang năm 2014 khi doanh thu công ty mẹ xuống còn 397 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 30 tỷ đồng. Cũng trong năm này, lãnh đạo và nhân viên Halico đã rơi vào vòng lao lý như trường hợp nguyên Giám đốc - Hồ Văn Hải vì có hành vi trốn thuế.

Năm 2015, tình hình kinh doanh tiếp tục lao dốc khi doanh thu đạt 453 tỷ đồng, lỗ 21 tỷ đồng (lỗ từ hoạt động kinh doanh là 26 tỷ đồng). Năm 2016, công ty đặt kế hoạch doanh thu 549 tỷ đồng, lợi nhuận 13 tỷ song kết thúc quý I đã lỗ 10 tỷ, doanh thu nội địa sụt giảm 30% so với cùng kỳ.

Đây chỉ là một trong những ví dụ điển hình cho quá trình chuyển đổi các công ty TNHH một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Việc chuyển đổi mô hình quản lý DN từ công ty TNHH sang cô ty cổ phần hoặc các công ty khác nếu không

tính toán một cách khéo léo, sẽ dễ dẫn đến tình trạng hoạt động kinh doanh không như ý, có nhiều phe cánh và trục lợi trong quản lý DN.

Trong quá trình quản trị đối với Halico đã tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như: sự phân cấp quản lý giữa những chức danh lãnh đạo công ty và những người đại diện quyền sở hữu (trong trường hợp này là Nhà nước) còn không đảm bảo sự linh hoạt và tính chặt chẽ. Một trong những nguyên nhân thua lỗ của Halico đó là việc Tổng giám đốc của Halico đã có những hành vi vượt quá quyền hạn, có dấu hiệu của sự lạm dụng vị trí của mình làm thiệt hại đến lợi ích của công ty. Theo báo chí thì vụ việc giám đốc Mai Văn Lợi có hành vi không đúng nhiệm vụ quyền hạn, chi tiền sai ở Halico rất thường xuyên: Cuối năm 2014, sau khi Giám đốc Hồ Văn Hải bị khởi tố, ông Mai Văn Lợi - người từ vị trí Giám đốc Khách sạn Lam Kinh - được cơ quan quản lý điều chuyển về đây. Năm 2015, ông Mai Văn Lợi giữ chức Giám đốc Halico, trước khi trở thành Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tuy vậy, trong thời gian điều hành DN, bên cạnh kết quả kinh doanh không lấy gì làm khả quan, ông Lợi còn được biết đến với mối quan hệ và nhiều quyết định lạ liên quan đến ông Trịnh Xuân Thanh - người được dư luận hết sức chú ý thời gian gần đây với vụ lùm xùm đi xe biển xanh, điều chuyển về tỉnh Hậu Giang sai quy trình... Mối quan hệ này bắt nguồn tư khi ông Mai Văn Lợi làm việc tại Công ty CP Xây lắp và vật liệu xây dựng Dầu khí sông Hồng, một trong những đơn vị trực thuộc Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí (PVC) do ông Trịnh Xuân Thanh làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cụ thể, sau khi nắm quyền tại Halico, ông Lợi đã quyết định chuyển 500 triệu đồng ủng hộ tỉnh Hậu Giang khi ông Trịnh Xuân Thanh vừa được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch tỉnh mà chưa được thông qua bởi Hội đồng quản trị. Ông Lợi còn bổ nhiệm con trai của ông Thanh là Trịnh Hùng Cường (sinh năm 1992) làm Phó phòng phụ trách Phòng truyền thông Marketing và bổ nhiệm con trai của Chủ tịch Habeco - Đỗ Xuân Hạ là Đỗ Xuân Long (sinh năm 1990) giữ chức Phó giám đốc phụ trách kinh

doanh. Gần đây nhất là vụ việc Halico cho Bộ Công Thương mượn chiếc xe Mercedes-Benz tiền tỷ theo quyết định của ông Lợi… [11]

Như vậy, có thể thấy, mô hình quản lý của DN còn rất nhiều hạn chế, chưa có cơ chế giám sát, kiểm soát các hoạt động tiến hành các giao dịch tư lợi của người quản lý DN. Điều này dẫn đến các DN hoạt động theo mô hình công ty TNHH có nguy cơ thua lỗ mà không thể kiểm soát được.

** Tình hình hoạt động của các công ty TNHH một thành viên đã đăng ký trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Trong những năm vừa qua, quy mô đăng ký thành lập mới của các DN trên địa bàn thành phố Hà Nội ngày một lớn. Tuy nhiên, trong tổng số các DN được xây dựng và hoạt động thì công ty trác nhiệm hữu hạn một thành viên ít được thành lập hơn, thông thường chủ yếu ở các công ty nhà nước chiếm 100% vốn.

Theo thống kế của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội thì năm cho đến năm 2017 có tổng số 2093 DN được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số DN này chiếm tỉ lệ 5% tổng số DN đã được đăng ký trên địa bàn thành phố.

Trong hơn 2000 DN đã được đăng ký, tổng quy mô vốn đăng ký là 4430 tỉ đồng, trung bình quy mô vốn là hơn 2 tỉ đồng cho một DN. Đây có thể coi là quy mô vốn tương đối so với các DN khác. Đặc điểm này xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là các DN này chủ yếu là các DN do nhà nước nắm 100%.

Trong hoạt động của mình, các công ty TNHH một thành viên luôn thực hiện tốt chính sách pháp luật của nhà nước, có hoạt động tích cực trong tham gia các hoạt động kinh doanh do nhà nước phát động.

Có thể lấy ví dụ điển hình cho những hạn chế, tồn tại trong hoạt động quản lý và điều hành của các công ty TNHH một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội đó là tại công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội.

Ngày 03/ 10/ 2005, UBND Thành phố có Quyết định số 149/2005/QĐ-UB thành lập Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại 3 Công ty kinh doanh nhà nói trên.

Đến ngày 26/11/2009 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6134/QĐ-UBND Về việc chuyển đổi Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội.

Công ty có chức năng nhiệm vụ Giúp UBND Thành phố tổ chức tiếp nhận, quản lý, vận hành và khai thác: Quỹ nhà ở, quỹ nhà chuyên dùng, quỹ nhà ở xã hội, quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp, quỹ nhà ở công nhân, quỹ nhà ở cho sinh viên, quỹ nhà ở tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng và các quỹ nhà khác theo quy định của Thành phố và pháp luật; Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND Thành phố giao.

Trong quá trình quản lý và hoạt động của mình,công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội đã bộc lộ nhiều hạn chế, trong đó có những hạn chế dẫn đến hình thức xử lý nghiêm khắc nhất của nhà nước.

Cụ thể là cuối năm 2017 công an đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can Công ty Một thành viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội.

Việc khởi tố vụ án tại Công ty Một thành viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội liên quan đến nhiều sai phạm.

Theo báo cáo của Sở Xây dựng, Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội được thành phố Hà Nội giao quản lý 148 tòa nhà tái định cư. Trong đó, diện tích kinh doanh tầng 1 lên đến 56.937m2. Công ty này đã bố trí sử dụng các diện tích theo chỉ đạo của TP Hà Nội hoặc thông qua đấu giá cho thuê 80 địa điểm với diện tích 21.294m2; 34 địa điểm cho thuê nhưng không phải trả tiền thuê nhà bao gồm các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố diện tích 17.954m2… Số tiền thu được từ việc cho thuê các diện tích kinh doanh tầng 1 khoảng 25-27 tỷ đồng/năm.

Cũng theo báo cáo này, trong quá trình quản lý, công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội đã tự ý bố trí cho 21 đơn vị, cá nhân vào sử dụng 4.038m2 để kinh doanh khi chưa được sự chấp thuận của UBND TP Hà Nội. Điều đáng nói, toàn bộ số tiền cho thuê diện tích này là hơn 20 tỷ đồng đã không được nộp vào ngân sách nhà nước.

Từ năm 2010-2016, công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội đã sử dụng cho thuê bất hợp pháp diện tích tầng 1 tại 27 tòa nhà tái định cư bao gồm nhà N4CD (Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân); N14A Định Công (Hoàng Mai); tòa A2-A3-A4 Đền Lừ (Hoàng Mai); N06 Pháp Vân- Tứ Hiệp; nhà B3 Nghĩa Đô- Dịch Vọng; nhà N6C Trung Hòa- Nhân Chính; N11B Dịch Vọng, Cầu Giấy; C10 Dịch Vọng; nhà tái định cư Xuân La; nhà A1, A2 Phú Thượng; Nhà N14B, 14C Định Công; nhà CT2-X2 - CT1- X2 Bắc Linh Đàm; N1 Đồng Tàu….để cho thuê kinh doanh. Tuy nhiên, tổng số tiền thuê 20,6 tỷ đồng lại không thu được về ngân sách. Nguyên nhân theo giải trình của công ty TNHH MTV quản lý và phát triển nhà Hà Nội do các đơn vị, cá nhân thuê chưa đóng tiền thuê nhà.

Trước thực trạng này, đầu năm 2017, UBND TP Hà Nội đã ra quyết định thu hồi toàn bộ diện tích kinh doanh đang cho thuê bất hợp pháp. Các trường hợp chống đối khong thực hiện Thành phố sẽ ra quyết định cưỡng chế thu hồi theo đúng quy định và hoàn thành trong quý II/2017. Toàn bộ diện tích sau khi thu hồi sẽ được đấu giá cho thuê theo đúng quy định của TP.

Cơ quan điều tra đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Nguyễn Đức Sơn Tổng giám đốc công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội, tạm giam 4 tháng để điều tra về các sai phạm của công ty.

Các hoạt động của công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội là điển hình cho những vi phạm của DN công ích của nhà nước trong khi đó lại hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên. Cơ chế quản lý, điều hành và quan hệ với cơ quan chủ quản không tuân thủ đúng quy định của pháp luật, làm trái các văn bản về quản lý điều hành DN rất dễ dẫn đến những sai phạm.

Những sai phạm trong quản lý và hoạt động của Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Hà Nội – Habeco (tiền thân là công ty TNHH một thành viên được cổ phần hóa). Ngày 6/5/2003, Bộ trường Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) có Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (viết tắt là HABECO). Từ ngày 16/6/2008, Tổng công ty Habeco chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức từ một Tổng Công ty Nhà nước sang Tổng Công ty Cổ phần. Sau thời gian cổ phần hóa, hoạt động của DN này trở nên khó khăn, thị phần ngày một giảm và tình trạng thua lỗ kéo dài chưa thể khắc phục. Theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2017 thì hoạt động quản lý sử dụng vốn của HABECO có nhiều sai phạm.

Nguyên nhân chính của tình trạng sai phạm trong quản lý và thua lỗ này là những hệ quả của việc cổ phần hóa không có sự nghiên cứu đánh giá bài bản. Năm 2008, Habeco tiến hành cổ phần hóa và Carlsberg được lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược nắm giữ hơn 17% cổ phần. Những năm đầu sau cổ phần hóa, kết quả kinh doanh Habeco cũng được cải thiện với đỉnh cao là năm 2014 với lợi nhuận 1.100 tỷ đồng. Tuy vậy, so với các đối thủ cạnh tranh như Sabeco hay các DN ngoại như Heineken, ABInBev…thì dường như Habeco đang chậm hơn rất nhiều, điều này có thể thấy rõ qua doanh thu, thị phần ngày càng giảm sút. [40]

** Hoạt động quản lý công ty TNHH một thành viên của người quản lý*

Trong hoạt động thực hiện nghĩa vụ quản lý của mình, người quản lý công ty TNHH một thành viên có thể lạm dụng vị trí địa vị chức vụ để tư lợi riêng.

Việc lạm dụng chức vụ để tư lợi không phải là câu chuyện xa lạ với bất kỳ DN nào, công ty TNHH một thành viên cũng không phải là một ngoại lệ. Vấn đề này càng thấy rõ hơn ở những công ty mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ bởi đây vẫn luôn được coi là một nơi "màu mỡ" cho nhiều nhà lãnh đạo nhòm ngó nếu như pháp luật không có quy định ràng buộc chặt chẽ. Luật DN quy định người quản lý công ty không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, nhưng trên thực tế việc kiểm soát đối với những giao dịch do

người quản lý thực hiện không phải là điều dễ làm. Với quyền lực được trao người quản lý nếu không phải là một người trung thực, mẫn cán và vì lợi ích của chủ sở hữu, của công ty thì rõ ràng họ có thể thông qua các giao dịch để trục lợi vì mục đích cá nhân, gây tổn hại tới tài sản, thương hiệu và nhiều vấn đề khác của công ty.

Những người lãnh đạo trong công ty trong quá trình quản lý điều hành không tránh khỏi những hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn để tư lợi riêng cho bản thân. Càng ở vị trí cao thì nguy cơ lạm dụng chức quyền càng dễ thấy. Đối với những người được cử làm đại diện theo ủy quyền trong trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước thường là những cán bộ, công chức đang đảm nhiệm các chức danh quản lý, lãnh đạo của Nhà nước. Do vậy, khi thực hiện công việc của mình tại công ty họ không chỉ tuân theo những quy định của pháp luật DN mà còn phải thực hiện những nghĩa vụ của một cán bộ công chức nhà nước. Tuy nhiên, không hiếm các vị lãnh đạo trong công ty tiến hành các giao dịch để tư lợi riêng hay cho người thân thành lập những DN "vệ tinh" để phục vụ lợi ích của công ty thì ít nhưng phục vụ cho cá nhân và gia đình thì nhiều. Vụ Điện kế điện tử của công ty Điện lực thành phố Hà Nội là một minh chứng: "Công ty này đã dành hợp đồng mua bán điện kế điện tử cho một số công ty tư nhân mà trong đó có người nhà của Phó Giám đốc Công ty Điện lực (Công ty gia đình). Nhưng sau đó, các "công ty gia đình" này đã mua 260.000 điện kế chất lượng kém của Trung Quốc, gắn mác "Sản xuất tại Singapore", ký kết hợp đồng mua bán giả mạo với một số công ty giả danh ở Singapore, và cuối cùng bán chúng cho Công ty Điện lực với giá cao hơn nhiều lần". Đây là sai phạm thường gặp ở rất nhiều DN chứ không riêng gì loại hình công ty TNHH một thành viên.

Ngoài ra có thể kể đến một công ty TNHH một thành viên hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng có nhiều hạn chế trong quá trình quản lý và hoạt động đó là: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (HUDS). Trong quá trình hoạt động nhiều lần đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội HUD đã có những lạm dụng trong việc ký kết các hợp đồng mang tính lạm quyền, làm ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu của HUD tại công ty. Một trong

những vụ điển hình đó là giám đốc công ty đã ký hợp đồng cho thuê Kiot tại khu chung cư Hoàng Mai T3 cho hàng loạt người thân của mình với giá rẻ, thời hạn thuê kéo dài, điều này làm thiệt hại đến quyền lợi của công ty cũng như gây bức xúc trong cư dân sinh sống trong chung cư này. [21]

2.2.3. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Tuy công ty TNHH một thành viên có ưu điểm nổi bậc đó là chế độ chịu TNHH, và vì vậy đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của các nhà đầu tư có số vốn ít, với việc chịu TNHH đã giúp họ an tâm hơn khi đầu vào những ngành nghề hoặc kinh doanh trong những lĩnh vực có nhiều rủi ro, bởi vì nếu có bất trắc xảy ra đối với công ty của họ thì họ chỉ chịu TNHH trong phạm vi số vốn mà họ đã góp vào Công ty. Tuy nhiên, việc công ty trách nhiệm một thành viên không được quyền phát hành cổ phiếu ra công chúng để công khai huy động vốn nhằm mục đích mỡ rộng việc làm ăn kinh doanh. Nếu muốn tăng vốn đầu tư thì Chủ sở hữu công ty phải đầu tư thêm vốn vào và đây cũng là một điểm hết sức khó khăn cho công ty vì việc huy động vốn để mở rộng kinh doanh là vấn đề rất cần thiết của các nhà đầu tư kinh doanh.

Ngoài ra, việc công ty trách nhiêm hữu hạn một thành viên chỉ chịu trách nhiệm trong phần vốn góp của mình và có thể nói đây là một điểm nổi bậc nhưng đồng thời cũng là một điểm còn hạn chế, vì trong kinh doanh luôn luôn tồn tại những nguy cơ rủi ro trong khi khả năng thanh toán là hữu hạn nên đã dẫn tới việc công ty thiếu nợ giải thể, phá sản đã không đảm bảo thanh toán các khoản nợ và nó sẽ làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích chính đáng của những người có liên quan trong việc thu hồi nợ tức trong trường hợp này nếu như công ty không đủ khả năng thanh toán thì chủ nợ sẽ bị thiệt thòi..

- Hạn chế trong quy định về đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên.

Theo quy định tại Luật DN 2014 và Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì việc ghi ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký DN và Giấy chứng nhận đăng ký DN được thực hiện như sau: Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký

DN được ghi và mã hóa theo ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh. Việc mã hóa ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký DN chỉ có ý nghĩa trong công tác thống kê. Sau đó, căn cứ vào Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, người thành lập DN tự lựa chọn ngành, nghề kinh doanh và ghi mã ngành, nghề kinh doanh vào Giấy đề nghị đăng ký DN. Cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu và ghi ngành, nghề kinh doanh, mã số ngành, nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký DN.

Cách thức và yêu cầu đăng ký ngành nghề đăng ký kinh doanh theo mã ngành kinh tế quốc dân như nêu trên là chưa thật hợp lý, chưa đảm bảo nguyên tắc "DN được quyền kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm, hoặc không hạn chế"; đồng thời, gây thêm phiền hà, tăng thêm rủi ro, chi phí tuân thủ cho DN. Bởi vậy, quan điểm của Dự thảo Luật DN (sửa đổi) là tiếp tục đơn giản hóa nội dung Giấy chứng nhận đăng ký DN; Giấy chứng nhận đăng ký DN chỉ ghi ngành nghề kinh doanh mà người thành lập DN dự kiến kinh doanh là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

Phương án không ghi ngành nghề kinh doanh tên Giấy chứng nhận đăng ký DN, trừ ngành nghề kinh doanh có điều kiện là phù hợp với thông lệ quốc tế tốt ở nhiều nước. Phương án này sẽ là một bước đột phá mạnh mẽ trong hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh cho người dân và DN như quy định của Hiến pháp mới được bổ sung, sửa đổi. Đồng thời, đổi mới này không làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước đối với DN. Mặt khác, theo quy định của pháp luật, sau khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nếu muốn thay đổi nội dung đăng ký, DN phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ hoặc giấy tờ khác tương đương, rồi mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới. Vì thế, tại một thời điểm nhất định, DN chỉ lưu giữ một bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do vậy không ghi nhận toàn bộ những thay đổi về pháp lý của DN qua thời gian, mà chỉ là một lát cắt thông tin của DN tại một thời điểm nhất định, mà cụ thể là vào ngày đăng ký thay đổi cuối cùng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã không xem

đời sống DN như một quá trình, có bắt đầu, có thay đổi, do vậy rất khó kiểm tra lý lịch DN qua thời gian.

- Hạn chế, bất cập về quản trị Công ty TNHH một thành viên.

Những quy định về kiểm soát viên của Công ty TNHH một thành viên như đã phân tích ở phần trên tạo ra một lỗ hổng rất lớn trong việc kiểm soát các giao dịch tư lợi trong công ty TNHH một thành viên là tổ chức, gây nguy cơ thất thoát tài sản của chủ sở hữu. Ví dụ: Chủ sở hữu cử ba người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, trong đó có một người vừa làm Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty vừa làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, vừa làm Kiểm soát viên (một cơ cấu tổ chức như vậy không vi phạm vào điều cấm nào của Luật DN về công ty TNHH một thành viên là tổ chức). Sau đó, công ty do cá nhân kiêm ba chức danh trên làm đại diện đã ký một hợp đồng với vợ của anh ta. Theo Điều 75 Luật DN, hợp đồng này phải được thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết. Rắc rối xảy ra là:

Cá nhân kiêm ba chức danh mặc dù có lợi ích trong hợp đồng nhưng lại không bị Luật DN loại trừ quyền biểu quyết nên chắc chắn anh ta sẽ thông qua giao dịch có lợi cho mình.

Cá nhân kiêm ba chức danh sẽ có một phiếu biểu quyết hay ba phiếu biểu quyết, tức là phiếu biểu quyết tính theo chức năng hay theo cá nhân?

Ngoài ra, một việc cũng gây khó khăn trong việc áp dụng quy định của pháp luật đó là quyền biểu quyết của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kiểm soát viên trong các giao dịch tư lợi.

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên không bị luật hạn chế quyền biểu quyết. Điều này khác với biểu quyết thông qua giao dịch tư lợi tại công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần; ở hai loại hình công ty này, người có liên quan không có quyền biểu quyết. Việc không hạn chế quyền biểu quyết của

người có liên quan trong các giao dịch tư lợi của công ty TNHH một thành viên chính là một thiếu sót của Luật DN.

- Hạn chế, bất cập về chế độ tài chính và vốn của công ty TNHH một thành viên

Liên quan đến vấn đề góp vốn của công ty TNHH một thành viên theo Luật DN 2014 còn tồn tại những vấn đề sau:

Thứ nhất, về tài sản góp vốn. Tại khoản 4 Điều 4 Luật DN quy định việc góp vốn có thể bằng nhiều loại tài sản như: "tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các loại tài sản khác ghi trong điều lệ công ty".

Thực tế cho thấy đối với DN nói chung và công ty TNHH một thành viên nói riêng, việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất gặp nhiều hạn chế, vì Luật DN chỉ miễn lệ phí trước bạ mà không cho được miễn thuế nên khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất người góp vốn vẫn mất thuế chuyển quyền sử dụng đất vào DN (Luật Thuế thu nhập cá nhân). Chính điều này hạn chế rất nhiều việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, theo đó đã ảnh hưởng đến khả năng đưa vốn và tài sản vào DN để khai thác.

Về việc định giá tài sản góp vốn hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể việc định giá đối với một số tài sản đặc thù như quyền sở hữu trí tuệ. Việc định giá tài sản góp vốn chính xác sẽ góp phần quan trọng trong việc xác định vốn điều lệ của công ty trong suốt quá trình thành lập và hoạt động. Còn đối với chủ nợ công ty, việc định giá chính xác tài sản góp vốn sẽ đảm bảo được quyền lợi của các chủ nợ. Bởi vì tài sản khi được đem góp vốn sẽ thuộc sở hữu của công ty, nằm trong khối tài sản công ty và được dùng để đảm bảo cho các khoản nợ của công ty. Nếu tài sản được định giá cao hơn so với giá trị thực tế, các chủ nợ sẽ bị thiệt hại do giá trị tài sản đảm bảo không tương xứng với giá trị của nghĩa vụ mà công ty phải thực hiện.

Thứ hai, về thời hạn góp vốn: Khoản 1 Điều 65 quy định rất chung chung "Chủ sở hữu công ty có nghĩa vụ góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết" nhưng Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 102/2010/NĐ-CP lại quy định "Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên góp vốn vào DN là không được quá 36 tháng kể từ ngày công

ty được cấp đăng ký kinh doanh". Thời hạn này khác với công ty cổ phần là 90 ngày và của công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên, trong trường hợp "thay đổi thành viên thì có thể lên đến 72 tháng". Với 3 mốc góp vốn không có sự thống nhất giữa các công ty và đặc biệt là việc quy định thời hạn góp vốn quá dài như vậy đã dẫn đến thực trạng hiện nay là công ty TNHH một thành viên được thành lập rất nhiều, nhưng hoạt động thì lại rất kém vì không có vốn, cũng từ đó phát sinh nhiều vấn đề tranh chấp nhưng hậu quả pháp lý là không có tài sản để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ. Mặt khác, việc góp vốn lại không được thể hiện cụ thể trên Giấy chứng nhận đăng ký DN nên các đối tác làm ăn, các bạn hàng của nhau đều không thể biết được số vốn của DN, có DN ghi vốn điều lệ hàng trăm tỷ nhưng thực tế DN không có đồng nào, đây là nguyên nhân dẫn đến phát sinh sự yếu kém của DN và tiềm ẩn rủi ro, tranh chấp. Trên thực tế đã có không ít công ty TNHH không trung thực trong việc góp vốn bằng cách lợi dụng kẽ hở để khai khống, khai ảo vốn điều lệ, tham gia các dự án, giao dịch có giá trị lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Hạn chế trong giám sát của hội đồng thành viên trong công ty TNHH một thành viên.

Theo Luật DN thì chủ sở hữu công ty có quyền giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty. Chủ thể và nội dung quyền giám sát trong công ty TNHH một thành viên không được quy định cụ thể hóa trong Luật DN hiện hành mà được quy định trong văn bản hướng dẫn. Trong công ty này, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty tổ chức và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu. So với mô hình có chủ tịch công ty, mô hình tổ chức hội đồng thành viên có ưu điểm hơn trong việc tổ chức thực hiện quyết định của chủ sở hữu do thể thức quyết định thông qua hội nghị mang tính dân chủ hơn. Hội đồng thành viên có thể thông qua thực hiện quyền giám sát nhằm phát hiện vi phạm của người điều hành trong trường hợp cần thiết. Do nội dung giám sát của hội đồng thành viên và chủ tịch công ty đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc chưa được quy định cụ thể trong luật nên cần có quy định cụ thể hơn về nguyên tắc tổ chức giám sát để làm cơ sở quy định trong điều lệ hoặc ban hành quy định giám sát. [16, tr.162-163]

Tiểu kết chương

Chương 2 của luận văn là chương trọng tâm mà tác giả phân tích 2 vấn đề lớn gồm: quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về Công ty TNHH một thành viên và thực trạng thực thi quy định về công ty TNHH một thành viên tại thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, trong phần quy định về công ty TNHH một thành viên trong Luật DN năm 2014 chúng ta đã thấy những điểm tiến bộ hơn rất nhiều so với Luật DN năm 2005. Trong nội dung về công ty TNHH một thành viên tác giả đi vào phân tích các nội dung như: vấn đề đăng ký hoạt động; vấn đề về cơ cấu tổ chức và quản trị; vấn đề về vốn và tài chính; vấn đề về tổ chức lại và giải thể; vấn đề về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; vấn đề về hoạt động của công ty TNHH một thành viên.

Thứ hai, tác giả đã có đánh giá một cách tổng thể về thực trạng thực thi pháp luật về Công ty TNHH một thành viên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hà Nội với tính chất là thủ đô của cả nước có những điều kiện kinh tế, xã hội và tự nhiên rất quan trọng để phát triển kinh tế. Thành phố Hà Nội là đầu tàu kinh tế của cả nước, nơi có rất nhiều DN lựa chọn để làm nơi bắt đầu hoạt động trong đó có những công ty TNHH một thành viên. Các kết quả thực thi được tác giả luận văn đi phân tích cụ thể để luận giải ra những ưu điểm của hoạt động này.

Thứ ba, trong chương 2 tác giả có sự phân tích cụ thể về những hạn chế, tồn tại trong quy định của Pháp luật về công ty TNHH một thành viên hiện nay. Đây là tiền đề để tác giả đưa ra các đề xuất giải pháp tại chương 3 của luận văn.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản về kinh tế của con người. Một xã hội đượccho là tiến bộ nếu nó thừa nhận quyền tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự lựa chọn, Nhà Nước có nghĩa vụ thi hành các biện pháp để bảo vệ quyền này, trong đó bao gồm việc thực hiện các chính sách các biện pháp kinh tế nhằm phát triển vững chắc nền kinh tế xã hội bảo đảm các quyền tự do cơ bản về kinh tế của từng cá nhân công dân. Xuất phát từ những cơ sở đó việc hoàn thiện những quy định Pháp luật về công ty TNHH một thành viên là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về công ty ở Nước ta. Đó chính là sự triệt để tôn trọng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

Việc pháp luật bổ sung thêm loại hình công ty trách nhiệm một thành viên vào hệ thống các loại hình DN ở Việt Nam là một bước phát triển mới trong quá trình từng bước hoàn thiện Pháp luật về công ty. Để loại hình DN này ngày càng phát triển, phát huy được những ưu điểm vốn có của nó trong việc thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư vào hoạt động kinh doanh, chế định này cần phải được hoàn thiện:

Trong nền kinh tế thị trường với nhiều cơ hội kinh doanh nhưng cũng gặp không ít khó khăn và rủi ro.Việc quy định loại hình Công ty TNHH một thành viên với những ưu điểm của nó và đã đang đáp ứng được nhu cầu thiết thực, đáp ứng dược nguyện vọng của giới kinh doanh. Tuy nhiên muốn loại hình Công ty này hoạt động có hiệu quả hơn thì Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan cần ban hành những Nghị định và Thông tư hướng dẫn chi tiết hơn về quyền sở hữu tài sản của công ty

TNHH một thành viên cũng như quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty phù hợp với mục đích và yêu cầu đặt ra. Ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các văn bản Pháp luật về DN trong việc thực hiện về trình tự thủ tục, ngành nghề kinh doanh. Đảm bảo thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài việc đổi mới cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính pháp luật, cần tạo ra môi trường kinh doanh thật sự bình đẳng, mỡ rộng hơn nữa các loại hình DN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát huy được khả năng trình độ sự năng động sáng tạo của các nhà DN.Có như vậy nền kinh tế của Nước ta mới ổn định, phát triển nhanh, mạnh và vững chắc.

Bên cạnh việc tạo lập môi trường kinh doanh an toàn, Nhà Nước phải tăng cường giáo dục, phổ biến và giải thích pháp luật trong nhân dân nói chung và cả các nhà kinh doanh nói riêng đã góp phần cho loại hình Công ty TNHH một thành viên ra đời và kinh doanh thuận lợi theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo mọi DN đều bình đẳng trước pháp luật

Phải xây dựng hệ thống pháp luật nước ta ngày càng hoàn thiện hơn, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật nhằm trách những quy định chưa đầy đủ của luật pháp đã tạo cơ hội cho một số DN đó hoạt động phi pháp, thi lợi bất chính trong kinh doanh ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và lợi ích của Nhà Nước. Bên cạnh đó càng làm tăng thêm lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm bỏ vốn để đầu tư làm ăn. DN đăng ký kinh doanh sau đó đi vào hoạt động thì Nhà Nước các cơ quan chức năng cần thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động kinh doanh của họ nhằm tránh xuất hiện những DN "ma" khi đăng ký kinh doanh và sau đó biến mất trên thị trường nhằm mục đích trốn thuế, trong khi đó hàng hóa của họ lại tràn ngập trên thị trường làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh gây nên thất thu cho Nhà Nước.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tôn trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân, của các chủ thể kinh doanh, được hầu hết các nước trên thế giới tôn trọng, bảo vệ. Ở Việt Nam, quyền tự do kinh doanh đó được khẳng định tại Điều 33 Hiến pháp 2013. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật DN phải có những quy định khẳng định rõ và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân. Thực hiện được nguyên tắc này chính là động lực chủ yếu khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào hoạt động lao động, sản xuất khơi dậy nguồn lực, phát huy tối đa sức mạnh nhân dân, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Cụ thể, khi hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam phải đảm bảo yêu cầu làm thế nào để việc thành lập và hoạt động của công ty này thật sự dễ dàng, thuận tiện cho công dân, cho các nhà kinh doanh mà vẫn bảo đảm được yêu cầu quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế

Nhà Nước cần đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hơn đối với các DN, một khi có các chính sách ưu đãi của Nhà Nước được dưa ra thì các nhà đầu tư sẽ mạnh dạng đầu tư vào loại hình Công ty TNHH một thành viên nhiều hơn. Nhà Nước cần tăng cường các biện pháp cưỡng chế đối với công ty mang tính chất kinh doanh không hợp pháp, lừa dối khách hàng, cạnh tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến thị trường, nói xấu mặt hàng của người khác lợi dụng khách hàng để trục lợi.

Bên cạnh đó Nhà Nước cần phải có chính sách thuế ưu đãi hơn, vì khi có chính sách đó các nhà đầu tư sẽ mạnh dạn đầu tư vào loại hình Công ty TNHH một thành viên ngày càng nhiều hơn.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

3.2.1. Hoàn thiện quy định về thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Thứ nhất, đơn giản hóa thủ tục thành lập DN

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DN và người dân có nhu cầu đăng ký DN trong việc gia nhập thị trường, trong thời gian qua, công tác rà soát trình tự, thủ tục hành chính được các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành một cách thường xuyên và liên tục. Qua đó, đã từng bước cắt giảm được các thủ tục không cần thiết trong đăng ký DN giúp cho công tác đăng ký DN ngày càng đơn giản và thuận tiện.

Tuy nhiên, cơ quan đăng ký kinh doanh cần tiếp tục triển khai các giải pháp sau để cải cách hơn nữa thủ tục thành lập DN.

Một là cần thống nhất đầu mối cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký DN. Việc giao thẩm quyền cho Sở Kế hoạch Đầu tư thực hiện đăng ký DN là hợp lý. Các cơ quan có thẩm quyền trong từng lĩnh vực cụ thể có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hoặc xác nhận là DN có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đó.

Hai là, mở rộng thủ tục đăng ký DN cho DN cho pháp luật chuyên ngành điều chỉnh. Tức là không bó hẹp quy định trong Luật DN nữa mà quy định cả trong Luật DN và cả các Luật chuyên ngành khác. Đồng thời bổ sung đầy đủ các Luật chuyên ngành vào quy định tại Điều 3 của Luật DN 2014.

Ba là, thống nhất quy định về giấy chứng nhận đăng ký DN đối với các luật chuyên ngành không quy định giấy phép hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký DN nữa, cần phải có sự tách bạch rõ ràng về bản chất của từng loại giấy phép như quy định hiện nay của Luật Đầu tư 2014 và Luật các tổ chức tín dụng 2010. Coi việc cấp các loại giấy phép hoạt động là những hoạt động độc lập với việc đăng ký kinh doanh cho DN. Nhận thức rõ rằng việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là nhằm xác lập tư cách pháp nhân cho DN. Nó hoàn toàn khác với việc cho phép DN hoạt động trong một ngành nghề, lĩnh vực nào đó.

Bốn là, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện áp dụng thống nhất về đăng ký kinh doanh đối với tất cả các ngành nghề, không để tình trạng các luật chuyên ngành lấn sân Luật DN, tạo sự chồng chéo trong việc quản lý DN.

Năm là, thực hiện thống nhất nguyên tắc: đã hoạt động kinh doanh thì trước tiên phải đăng ký kinh doanh để xác lập tư cách pháp nhân của chủ thể kinh doanh, sau đó cấp giấy phép hoạt động, cấp giấy chứng nhận đầu tư ngành nghề gì thì cấp.

Thứ hai, cần kiện toàn cơ quan đăng ký kinh doanh

Trước hết, kiện toàn đội ngũ các bộ trong các cơ quan liên quan đến việc thực thi Luật DN. Một thực tế là làm công tác quản l ý cũng có nhiều bất cập về trình độ chuyên môn. Thậm chí, có những DN được cấp mã số đăng k ý kinh doanh giống nhau, hoạt động nhiều năm liên tục mà không hề có vấn đề gì, đến khi kinh doanh có nhu cầu thay đổi đăng k ý kinh doanh, DN đến nộp hồ sơ thì phòng đăng k ý kinh doanh mới phát hiện DN này có mã số trùng với DN khác, con dấu và mã số thuế… Những trường hợp xảy ra tương tự như thế không phải là ít. Bởi vậy, chúng ta cần có những khóa huấn luyện, đào tạo về Luật DN mới, cần phổ biến tinh thần của Luật DN nói chung và Luật DN điều chỉnh công ty TNHH một thành viên nói riêng để đảm bảo cho đội ngũ có sự nhất quán về chuyên môn, cũng như phong cách làm việc.

Đồng thời, chúng ta cần trang bị phương tiện làm việc hiện đại cho các cơ quan thực thi Luật DN. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến cường độ và chất lượng công việc. Một vấn đề đang diễn ra ở nước ta đã là việc cho phép các DN tiến hành đăng k ý kinh doanh qua mạng nhưng trên thực tế ở đây có sự bất cập cả hai chiều: Thứ nhất, đội ngũ các bộ đăng k ý kinh doanh chưa có thói quen làm việc qua mạng, nhận hồ sơ, xử l ý hồ sơ và trả lời kết quả qua mạng; Thứ hai, trình độ dân trí vẫn cũng hạn chế nên việc hoàn tất các thủ tục đăng k ý kinh doanh qua mạng là một vấn đề khó khăn. Bởi vậy, tất cả các khâu đoạn đăng k ý kinh doanh đều phải giải quyết trực tiếp, dẫn đến hoạt động tại các cơ quan này đang ở trong tình trạng quá tải. Đây chính là nguyên nhân khiến các DN phải chờ đợi hoặc tiêu cực xảy ra tại các cơ quan này. Bởi thế, các cơ quan Trung ương cần tổ chức các lớp tập huấn công việc của cơ quan, dạy cách quản lý hành chính nhà nước trong thời đại mới - thời đại công nghiệp hóa thông tin.

3.2.2. Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Thứ nhất, pháp luật về kiểm soát viên trong công ty TNHH một thành viên là tổ chức.

Đánh giá Luật DN 2014 cho thấy quy định về kiểm soát viên bảo đảm được tính độc lập; chưa đảm bảo có đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghề nghiệp và nguồn lực để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định. Ngoài ra, chưa có cơ chế để kiểm soát viên sử dụng để buộc các kiến nghị của mình được thực hiện trong trường hợp thực sự cần thiết và giám sát có hiệu quả đối với hoạt động của người quản lý công ty. Theo chúng tôi, Luật DN cần bổ sung quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền cho kiểm soát viên, như: tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên, cuộc họp của công ty; xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Thứ hai, quy định về quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thực hiện các hợp đồng giao dịch của công ty TNHH một thành viên với những người có liên quan, khuyến nghị bổ sung quy định Điều 75 Luật DN (2014) theo hướng hạn chế quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi để tránh trường hợp trục lợi cho riêng mình. Cụ thể, Luật DN cũng nên quy định rõ đó là khi biểu quyết thông qua các giao dịch tư lợi, người có lợi ích liên quan đến giao dịch đó phải bị loại trừ quyền biểu quyết, tránh trường hợp nếu luật không quy định rõ ràng sẽ là một lỗ hổng tạo cơ hội cho những kẻ trục lợi rút ruột công ty.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo được lợi ích của công ty cũng như lợi ích của chủ sở hữu công ty không bị xâm hại, Luật DN nên tách bạch ba quyền quản lý, điều hành và kiểm soát trong công ty TNHH một thành viên là tổ chức để đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả và có sự giám sát, kiểm tra. Nếu Luật DN vẫn để ngỏ trường hợp ba quyền quản lý, điều hành và kiểm soát có thể rơi vào tay một cá nhân (vừa là chủ tịch

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kiểm soát viên) thì tài sản của chủ sở hữu rất dễ dàng bị thất thoát.

Thứ ba, hạn chế đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

Trong Luật DN, tại Điều 116 có quy định: "Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được đồng thời là giám đốc hoặc tổng giám đốc của DN khác". Thế nhưng vấn đề hạn chế này lại không được nêu ra trong Phần Công ty TNHH một thành viên. Theo tôi nên áp dụng việc hạn chế này đối với các mô hình công ty bởi với chức năng, nhiệm vụ là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thì rất khó cho việc một lúc đảm nhiệm nhiều công ty. Quy định này sẽ góp phần tránh được việc yếu kém trong quản lý điều hành của DN hay tránh việc mở, thành lập Công ty một cách tràn lan sau đó không thực hiện được việc quản lý, điều hành dẫn đến DN yếu kém, thậm chí dừng hoạt động và bỏ trốn khỏi nơi cư trú… Điển hình trên thực tế đã có một người đã từng thành lập và làm giám đốc đến 35 công ty trách nhiệm hữu hạn.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về vốn

Thứ nhất, về vốn điều lệ

Như đã phân tích ở trên, Nghị định 102/2010/NĐ-CP quy định thời hạn chủ sở hữu công ty phải góp đủ vốn cam kết là 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN là một thời gian quá dài, trong khi đó thời hạn góp vốn của công ty cổ phần với cơ cấu phức tạp hơn luật chỉ quy định 90 ngày. Thiết nghĩ, pháp luật nên đồng nhất thời hạn góp vốn theo hướng: các DN (công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần) đều phải bảo đảm và thực hiện việc góp vốn tối thiểu là 20% số vốn điều lệ ngay tại thời điểm đăng ký kinh doanh, phần còn lại có thể góp nhưng tối đa cũng không được quá 12 tháng kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận DN (ngày DN được đăng ký và ghi trên giấy chứng nhận). Thời hạn 12 tháng được đưa ra là vì đây là mốc phù hợp với kế hoạch phát triển hàng năm của các công ty. Hơn nữa đó cũng là thời hạn để xác định thực lực của

công ty khi đi vào hoạt động kinh doanh, giảm bớt được những DN ảo, DN không có vốn thực.

Thứ hai, về tài sản góp vốn và định giá tài sản góp vốn

Như đã phân tích ở trên, khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất, người góp vốn vẫn chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất vào DN (Luật Thuế thu nhập cá nhân) bởi vậy đã ảnh hưởng đến khả năng đưa vốn và tài sản vào DN để khai thác. Thiết nghĩ, để giải quyết vướng mắc này, pháp luật nên bổ sung trong vấn đề góp vốn bằng bất động sản, khi làm thủ tục đăng ký trước bạ sang tên cho DN người góp vốn được miễn thuế và miễn lệ phí trước bạ.

Có thể thấy pháp luật hiện hành chưa tạo đủ cơ sở pháp lý điều chỉnh vấn đề định giá tài sản góp vốn. Có rất nhiều vấn đề cần có những quy định hướng dẫn bổ sung, cũng như cần có những quy định mới như: nên có văn bản hướng dẫn việc định giá cụ thể đối với một số tài sản đặc thù được sử dụng vào việc góp vốn như quyền sở hữu trí tuệ; đồng thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho chủ sở hữu khi góp vốn thành lập DN mà gặp khó khăn trong việc tự định giá, pháp luật nên quy định quyền được thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp thực hiện việc định giá. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên hay phòng ban nghiệp vụ nào đó của công ty không thể thay mặt DN thực hiện quyền định giá mà phải do một cơ quan độc lập. Điều này có thể xóa bỏ trách nhiệm phi lý của người đại diện cho công ty trong trường hợp định giá sai.

Ngoài ra, để nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người thực hiện việc định giá, pháp luật cần quy định cụ thể về thời điểm thực hiện trách nhiệm "đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá" là ngày tại thời điểm phát hiện vi phạm. Khi sửa đổi theo hướng này, pháp luật DN sẽ vừa thực hiện được mục tiêu bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, vừa đảm bảo thực hiện hiệu quả nguyên tắc "hậu kiểm", nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của nhà đầu tư.

3.2.4. Hoàn thiện quy định về nghĩa vụ người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Thứ nhất, mở rộng khái niệm "người quản lý" và "người có liên quan" trong công ty.

- Về khái niệm "người quản lý"

Như đã nói ở phần đầu (định nghĩa người quản lý trong công ty TNHH một thành viên), quy định của Luật DN 2014 cho thấy người quản lý công ty được định nghĩa bằng cách liệt kê một loạt các chức danh theo luật định. Điều này trong nhiều trường hợp sẽ gây ra không ít khó khăn cho việc xác định các trách nhiệm pháp lý của họ. Bởi lẽ, hiện nay ở một số DN, có nhiều người quản lý công ty trên thực tế nhưng lại không giữ các chức danh quản lý vì nhiều lý do như không đủ tiêu chuẩn theo quy định hoặc lách luật…Trong luật thực định Việt Nam, chúng ta không có các khái niệm và phạm trù nào về Giám đốc thực tế hay Giám đốc giấu mặt, mặc dù nó đã xuất hiện từ lâu. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của Chủ sở hữu, chủ nợ và những người có liên quan.

Có nhiều trường hợp nhiều người mặc dù không được chính thức bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc, nhưng họ lại có thể chỉ đạo và điều khiển các Giám đốc hợp pháp hành động theo ý chí của mình. Vấn đề đặt ra nếu có sai phạm thì ai sẽ là người chịu trách nhiệm, người chỉ đạo hay người thực hiện? Vấn đề này Luật DN 2014 vẫn còn bỏ ngỏ.

Do vậy Luật DN nên quy định theo hướng mở rộng khái niệm người quản lý, xác định người quản lý không chỉ căn cứ vào chức danh mà họ nắm giữ mà còn phải dựa vào chức năng mà người đó thực hiện. Song cũng phải xét đến khía cạnh không phải tất cả những ai đưa ra lời khuyên có tác động tới hành động của Giám đốc hợp pháp đều bị coi là Giám đốc giấu mặt.

- Về vấn đề "người có liên quan"

Luật DN xác định "người có liên quan" (Khoản 17 Điều 4) nhằm ngăn ngừa và giám sát các giao dịch tư lợi, đảm bảo các giao dịch đó được thực hiện công bằng và

không gây tổn hại cho lợi ích của công ty và chủ sở hữu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các giao dịch tư lợi với những người có liên quan xảy ra là không ít, nhất là trong khu vực kinh tế Nhà nước và cácDN cổ phần hoá. Liên quan đến nội dung này, chúng ta cũng nhận thấy được hạn chế của Luật DN khi không có các thiết chế, chế tài điều chỉnh về vấn đề đại diện, vẫn có nhiều đại diện quản lý phần vốn góp của các DN Nhà nước có thể làm đại diện ở rất nhiều công ty khác với nhiều lợi ích không thể kiểm soát được...cần phải có sự định nghĩa thống nhất về "người có liên quan" trong các văn bản pháp luật thực định (Luật DN, luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành) đồng thời phải được áp dụng thống nhất không có sự phân biệt khu vực DN tư doanh hay các DN nhà nước, đơn giản hoá cách viết, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Để chống xung đột về lợi ích, cần mở rộng khái niệm về các đối tượng có liên quan. Theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS (Điều 24, Khoản 9, IAS) các định nghĩa về "người liên quan" rộng hơn so với quy định của Luật DN 2014. Theo đó, cần mở rộng các đối tượng có liên quan như: con dâu, con rể, bố vợ (chồng), mẹ vợ (chồng), anh (em) rể, chị (em) dâu và nhiều cán bộ công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước là những bộ, ban, ngành đại diện quyền sở hữu Nhà nước cùng những người có liên quan của họ.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi.

Một vấn đề Luật DN hiện hành còn chưa quy định đó là khi biểu quyết thông qua các giao dịch tư lợi thì người có liên quan đến giao dịch đó phải bị loại trừ quyền biểu quyết. Tuy nhiên, Luật DN 2005 quy định về công ty TNHH một thành viên là tổ chức lại bỏ qua vấn đề này. Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty TNHH một thành viên với những người có liên quan, đề nghị bổ sung quy định Luật DN 2014 theo hướng hạn chế quyền biểu quyết của người có liên quan trong các giao dịch tư lợi để tránh trường hợp trục lợi cho riêng mình. Nếu vấn đề này không được khắc phục thì sẽ là một lỗ

hổng tạo cơ hội cho các giao dịch tư lợi của những người nắm quyền quản lý, điều hành công ty, ảnh hưởng đến lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về công khai thông tin trong công ty TNHH một thành viên.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng tham nhũng xảy ra đối với các công ty TNHH môt thành viên đặc biệt là các công ty 100% vốn nhà nước đó là tình trạng minh bạch thông tin chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Chất lượng thông tin cũng là một vấn đề rất quan trọng quyết định chất lượng của việc công khai thông tin. Pháp luật cần phải có các quy định thống nhất về các nội dung và tiêu chuẩn công khai sao cho các thông tin khi được công khai phải đầy đủ và chính xác. Trước thực trạng thông tin đưa ra không rõ ràng chính xác đã dẫn đến sự mất cân đối giữa chất lượng và số lượng thông tin giữa chủ sở hữu và những người quản lý điều hành, công ty. Không ai hiểu DN hơn các nhà quản trị. Thông tin "tay trong" dễ dàng có thể biến thành tiền có lợi cho cá nhân và gia đình họ.

Luật DN hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan nên có những quy định liên quan đến vấn đề công bố thông tin theo hướng:

- Nâng cao chất lượng thông tin bằng cách gắn trách nhiệm với những thông tin được công bố. Chỉ có quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng bộ phận, cá nhân mới khiến họ làm việc tận tâm và trung thực, tránh tình trạng quy định chung chung chỉ mang tính hình thức thì sẽ không gây ra sức ép buộc những vị lãnh đạo trong công ty làm việc một cách công tâm và trung thực.. Đối với các DN do Nhà nước làm chủ sở hữu thì các báo cáo về tình hình hoạt động hàng năm và báo cáo về tài chính của DN cần phải được kiểm toán. Người đại diện theo pháp luật của DN phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực và đầy đủ của thông tin được công bố. Việc kiểm toán phải được thực bởi một tổ chức kiểm toán độc lập, có năng lực và có chất lượng.

Cần công khai hóa những đánh giá, dự báo của HĐTV(Chủ tịch công ty) về tiềm năng phát triển, và nhất là các rủi ro có thể xảy đến với công ty và mức độ của những rủi ro đó. Các quy định về công bố thông tin liên quan đến xung đột lợi ích cần

phải được củng cố, chẳng hạn việc quy định công bố thông tin về giao dịch với các bên liên quan cần phải chặt chẽ hơn và có sự thống nhất giữa các quy định khác nhau.

3.3. Các giải pháp về tổ chức triển khai luật doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội

3.3.1. Nhóm giải pháp nâng cao trách nhiệm, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh

Thành phố cần ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã đối với DN sau đăng ký kinh doanh, giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước thành phố trong việc chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành về quản lý nhà nước đối với DN sau đăng ký kinh doanh; trong đó phải phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trước thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với DN thuộc lĩnh vực do ngành quản lý theo quy định của pháp luật.

Tăng cường ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác phối hợp, trao đổi thông tin toàn diện về DN; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý DN, hệ thống cơ sở dữ liệu hồ sơ đăng ký kinh doanh DN dùng chung để kết nối, chia sẻ dữ liệu pháp lý về DN, tiến tới công khai rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận.

Các ngành chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra DN theo đúng chức năng, thẩm quyền, thủ tục do pháp luật quy định, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ. Giải quyết dứt điểm những trường hợp giải thể; đề xuất các biện pháp để thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy đăng ký mẫu dấu và con dấu nhằm ngăn chặn kịp thời những trường hợp DN đã giải thể nhưng vẫn tiến hành các hoạt động kinh tế, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

Tăng cường phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến và quán triệt về các quy định pháp luật cho DN thông qua các hoạt động của tổ chức đảng và đoàn thể; xây

dựng và chỉ đạo điểm các DN điển hình tiên tiến thực hiện tốt các quy định của pháp luật nhằm tuyên truyền, nhân rộng trong khối DN.

UBND các quận, huyện chịu trách nhiệm trước thành phố trong việc quản lý và theo dõi tốt "hộ khẩu" DN trên địa bàn về việc chấp hành treo biển hiệu, trụ sở chính của DN; phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp thành phố trong việc thanh tra, kiểm tra DN; thường xuyên đối thoại với DN nhằm tháo gỡ khó khăn hoặc tiếp nhận phản ảnh để kiến nghị. Hàng năm thành phố nên bố trí kinh phí cho công tác rà soát DN để làm căn cứ cho công tác quản lý và kiểm tra DN có trọng tâm, trọng điểm.

3.3.2. Nhóm giải pháp tăng cường xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; nâng cao ý thức, kiến thức pháp luật và đạo đức kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp

Tăng cường hỗ trợ pháp lý dành riêng cho DN trên cổng thông tin điện tử đồng bộ, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của DN, góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với DN. Cần biên soạn sổ tay "Những nội dung cơ bản cần biết khi đăng ký thành lập DN" để cung cấp miễn phí cho DN sau khi đăng ký thành lập DN.

Nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho DN; tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và công khai thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Tăng cường tổ công tác hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn cho các DN. Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho DN ngay sau đăng ký thành lập DN nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật. Hỗ trợ miễn phí các DN công bố thông tin đăng ký kinh doanh trên cổng thông tin hỗ trợ DN thành phố Hà Nội.

3.3.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ và khuyến khích bên thứ ba tham gia vào quá trình giám sát doanh nghiệp

Thành phố Hà Nội cần tiếp tục cam kết tăng cường công cụ hỗ trợ, công khai thông tin để khuyến khích bên thứ ba tham gia vào quá trình giám sát DN. Khuyến

khích thực hiện giám sát nội bộ DN, giám sát của xã hội và các chủ thể khác nhằm hỗ trợ Nhà nước trong quản lý, giám sát DN, đồng thời nhằm giảm bớt rủi ro cho các tổ chức, cá nhân trong giao dịch kinh tế, tạo môi trường minh bạch và an toàn hơn. Các tổ chức, cá nhân có thể tìm kiếm thông tin thông qua các cổng thông tin điện tử của thành phố Hà Nội, hệ thống thông tin đăng ký DN quốc gia, cổng thông tin hỗ trợ DN và trực tiếp đặt câu hỏi trên chuyên mục "Hỏi - Đáp" của cổng thông tin điện tử thành phố Hà Nội.

Các ngành chức năng có trách nhiệm đăng tải toàn bộ thông tin về việc cấp phép, thu hồi giấy phép, DN bị xử lý vi phạm phát luật ... trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của đơn vị và đăng tải trên công thông tin hỗ trợ DN. Công khai thông tin về quy hoạch trong lĩnh vực ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên trang thông tin điện tử và tại bộ phận "một cửa". Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của DN và xử lý kịp thời những phản ánh và kiến nghị của DN, tổ chức và cá nhân đối với những nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

Tiểu kết chương

Tại chương 3 của luận văn tác giả nghiên cứu 3 nội dung gồm: các định hướng hoàn thiện quy định về công ty TNHH một thành viên; các đề xuất hoàn thiện pháp luật về vấn đề này; và các giải pháp về tổ chức thực hiện.

Trong nội dung thứ nhất tác giả phân tích đưa ra các quan điểm của đảng và nhà nước về hoàn thiện pháp luật DN nói chung trong đó có pháp luật về Công ty TNHH một thành viên.

Tại nội dung thứ 2 tác giả đưa ra các giải pháp để hoàn thiện về công ty TNHH một thành viên. Trong các giải pháp đó được tác giả đưa ra với 3 nhóm nội dung gồm: hoàn thiện quy định về đăng ký kinh doanh, hoàn thiện quy định về vốn và tài chính và hoàn thiện quy định về quản trị công ty TNHH một thành viên.

Cuối cùng là việc tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quy định về công ty TNHH một thành viên. Các giải pháp này góp phần tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực này trong đó có giải pháp cụ thể của thành phố Hà Nội.

KẾT LUẬN

Việc ghi nhận công ty TNHH một thành viên trong Luật DN 1999 đến Luật DN (2014) là một sự đổi mới các quy định pháp lý phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện nay. Để tạo điều kiện về mặt pháp lý cho các nhà kinh doanh đầu tư làm ăn lâu dài, nhà làm luật cần phải mở rộng đối tượng điều chỉnh của công ty TNHH một thành viên và tạo ra cơ chế hoạt động phù hợp.

Từ đó, các nhà đầu tư có đầy đủ các yếu tố cần thiết để thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình, phát huy thế mạnh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhân hoặc tổ chức khi thành lập công ty. Sự sửa đổi, bổ sung các quy định về công ty TNHH một thành viên như một đòi hỏi tất yếu của cuộc sống nói chung và của nền kinh tế nói riêng, đáp ứng mong mỏi của cộng đồng các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Cho đến nay, hệ thống pháp luật về tổ chức quản lý DN đã tương đối đầy đủ và tạo lập được khung quản trị DN cho các loại hình DN khác nhau. Pháp luật về DN đã ghi nhận các quyền cơ bản của DN bao gồm: quyền tự do kinh doanh; quyền được tự chủ, tự quyết định các công việc của mình; quyền được bình đẳng trước pháp luật. Đồng thời, bước đầu tạo lập được khung quản trị DN phù hợp với yêu cầu cơ bản của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế nhằm tạo động lực và tăng cường trách nhiệm của DN trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội với vai trò là Thủ đô đã phát huy vai trò tiên phong trong việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, trong các Nghị quyết Đại hội Đảng Thành phố qua các nhiệm kỳ đều nhấn mạnh đến chủ trương phát triển các loại hình DN - hạt nhân của nền kinh tế. Thành phố đẩy mạnh triển khai cải cách hành chính và thủ tục hành chính, trong đó đổi mới và cải tiến công tác ĐKKD luôn là một hoạt động trọng tâm. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội luôn quan tâm, coi trọng công tác khuyến khích, hỗ trợ DN, tạo môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của DN.

Tuy nhiên, cùng với việc điều chỉnh địa giới hành chính và sự gia tăng nhanh chóng của số lượng DN trên địa bàn Hà Nội. Số lượng DN lớn cùng với tốc độ gia tăng nhiều hàng năm, dẫn đến việc quản lý nhà nước đối với các DN gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là quản lý DN sau cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công tác quản lý nhà nước đối với DN trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế. Công tác kiểm tra hoạt động DN sau đăng ký thành lập chưa được triển khai thường xuyên. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra hoạt động DN có lúc chưa đồng bộ, thiếu thông tin đầy đủ, chính xác, toàn diện về DN trên địa bàn thành phố. Để có thể nâng cao hiệu quả quản lý đối với DN trên địa bàn thành phố, cần kết hợp đồng bộ các giải pháp, trong đó tập trung vào các giải pháp về nâng cao trách nhiệm, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước; tăng cường xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho DN; nâng cao ý thức, kiến thức pháp luật và đạo đức kinh doanh cho người quản lý DN; hỗ trợ và khuyến khích bên thứ ba tham gia vào quá trình giám sát DN.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị An, Luận văn thạc sĩ "*Công ty TNHH một thành viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Cộng hòa Pháp*", năm 2004, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội;
2. Đoàn Thị Lan Anh (2012), *Một số khía cạnh pháp lý của quản lý nhà nước đối với DN Nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học: 60.38.01, Khoa Luật, ĐHQGHN.
3. Phạm Thị Ngọc Anh (2012), *Quản lý nhà nước đối với DN tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sỹ kinh tế: 60.31.05, Đại học Đà Nẵng.
4. Vũ Mạnh Anh (2008), *Thực trạng quản lý nhà nước đối với DN sau đăng kí kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh.
5. Đồng Ngọc Ba, "*Quan niệm về Luật DN – Một số vấn đề phương pháp luận",* bài viết đăng trên tạp chí Luật học
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Đề án 8925/ĐA-BKHĐT ngày 26/12/2011 về "Đổi mới quản lý nhà nước đối với DN sau đăng ký thành lập".*
7. Các Mác và Ph. Ăng - ghen (2002), *toàn tập 23*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Cục thống kê Hà Nội (2013), *Niên giám Thống kê Hà Nội năm 2013*. Hà Nội
9. Bùi Ngọc Cường, "*Bàn về tính thống nhất của pháp luật về DN ở Việt Nam hiện nay*", bài viết đăng trên tạp chí Luật học
10. Chính phủ (2010), *Nghị định số 12/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật DN*, Hà Nội

11. Bạch Dương, Đế chế rượu Halico sa sút cùng bê bối lãnh đạo, https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/de-che-ruou-halico-sa-sut-cung-be-boi-lanh-dao-3439668.html, Truy cập: 25/8/2018
12. Nguyễn Đình Dương (2013), *"Thủ đô Hà Nội sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của BCHTW và Nghị quyết 15/2008/QH12 của Quốc hội trong bối cảnh suy giảm kinh tế" trích trong Kỷ yếu hội thảo "Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ suy thoái kinh tế thế giới",* Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội.
13. Đậu Thị Đức (2013). *DN Hà Nội trong suy giảm kinh tế và một số hướng giải quyết trích trong Kỷ yếu hội thảo "Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ suy thoái kinh tế thế giới"*, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội.
14. Nguyễn Thiềng Đức (2009), "Củng cố và hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước đối với các DN trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh", *tạp chí Nghiên cứu Kinh tế* (364).
15. Lê Văn Hưng (2003), *Cơ sở lý luận của việc hoàn thiện pháp luật tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với DN Nhà nước ở Việt Nam hiện nay (từ thực tiễn của Tp. Hồ Chí Minh),* LATS Luật học: 5.05.01, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Thị Lan Hương (2013), *Những vấn đề pháp lý về tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 162, - 163
17. Nguyễn Thị Huế Luận văn thạc sĩ "*Pháp luật về chuyển đổi DN Nhà nước (DNNN) thành công ty TNHH một thành viên*" , bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 20112;
18. Phạm Thị Thúy Hồng, Luận văn "*Chuyển đổi DNNN, DN của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội thành công ty TNHH một thành viên – những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2002;

19. Lê Thị Mỹ Linh (2009), *Phát triển nguồn nhân lực trong DN nhỏ và vừa ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế*, LATS Kinh tế: 62.31.11.01, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
20. Lê Văn Khải, Luận văn thạc sĩ "*Công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại hình DN này*", năm 1997, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội;
21. Nguyên Minh, *Thấy gì từ vụ tranh chấp giữa các tiểu thương và HUD?,* https://tinnhanhchungkhoan.vn/bat-dong-san/thay-gi-tu-vu-tranh-chap-giua-cac-tieu-thuong-va-hud-158435.htmlm, truy cập: 22/5/2016
22. Phạm Duy Nghĩa (2006) *Luật kinh tế, Tập 1, Luật Doanh nghiệp: Tình huống, Phân tích, Bình luận*, NXB ĐHQG HN, tr.26
23. Nghị viện (1804), *Bộ Luật Dân sự Cộng hòa Pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Nghị viện (1962), *Luật Thương mại thống nhất Mỹ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Nghị viện (1995), *Luật Công ty TNHH Cộng hòa Liên bang Đức*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Nguyễn Như Phát (2007), *Giáo trình Luật kinh tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.125
27. Nguyễn Như Phát (2007), Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật,* số 2/2007, Hà Nội
28. Nguyễn Xuân Phúc (2012), Q*uản lý nhà nước đối với các DN kinh tế quốc phòng*, LATS Kinh tế: 62.34.01.01, Đại học Kinh tế quốc dân.
29. Quốc hội (1990*), Luật Công ty*, Hà Nội.
30. Quốc hội (1999), *Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội
31. Quốc hội (2003), *Luật Doanh nghiệp Nhà nước*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2005), *Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội.

33. Quốc hội (2005), *Luật Dân sự*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
35. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội
38. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2012), *Dự thảo đề án "Chuyển đổi các phòng đăng ký kinh doanh thành đơn vị sự nghiệp có thu*". Hà Nội
39. Tổng cục thống kê (2017), *Thực trạng DN qua kết quả điều tra năm 2015, 2016, 2017*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
40. Thanh Tuân, *Habeco - Halico di sản trăm năm dần mai một sau cái bắt tay với những đại gia hàng đầu thế giới*, Truy cập: http://cafef.vn/habeco-halico-di-san-tram-nam-dan-mai-mot-sau-cai-bat-tay-voi-nhung-dai-gia-hang-dau-the-gioi-20180629234527924.
41. Thành ủy Hà Nội (2008), *Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 9/5/2008 của Thành ủy về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn*
42. Lê Văn Trung (2006), *Đổi mới quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với DN Nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, LATS Luật học: 62.38.01.01, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
43. Phạm Quang Trung (2008), "Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN vừa và nhỏ ở Hà Nội", *tạp chí Kinh tế và phát triển* (129).
44. Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN (2004), *Quản lý kinh tế của cơ quan Nhà nước đối với DN Nhà nước*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
45. Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN (2010), *Quản lý nhà nước đối với DN Nhà nước trong điều kiện hội nhập của Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Trường Đại học Luật (2000), *Giáo trình Luật kinh tế*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam*, Tập 1, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
49. UBND thành phố Hà Nội (2008), *Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 4/12/2008 của UBND Thành phố về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn hiện nay.*
50. UBND thành phố Hà Nội (2008), *Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 13/7/2008 của UBND thành phố ban hành Quy định tôn vinh các DN có thành tích trong hoạt động xuất khẩu trên địa bàn Thành phố Hà Nội.*
51. UBND thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành Quy chế quản lý DN hoạt động theo Luật DN và hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hà Nội.*
52. UBND thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 20/9/2009 ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với DN thành lập, hoạt động theo Luật DN trên địa bàn Thành phố Hà Nội.*
53. UBND thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc bãi bỏ Quyết định số 02/2009/QĐUBND ngày 09/01/2009.*
54. UBND thành phố Hà Nội (2017), *Đề án phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 -2025*, Hà Nội